

ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG NINH BÌNH TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TRƯỚC NĂM 2030

Phần I.
MỞ ĐẦU

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

Trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển hệ thống đô thị quốc gia, việc hình thành các thành phố trực thuộc Trung ương là yêu cầu khách quan, tất yếu, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo cực tăng trưởng, thúc đẩy lan tỏa phát triển vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tỉnh Ninh Bình nằm ở cửa ngõ phía Nam vùng Đồng bằng sông Hồng, có vị trí chiến lược về giao thông, kinh tế, văn hóa và lịch sử. Với lợi thế nổi bật về tài nguyên du lịch, đặc biệt là Quần thể danh thắng Tràng An, cùng với hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng được đầu tư hoàn thiện, Ninh Bình đang hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển theo mô hình đô thị hiện đại, bền vững.

Trong những năm qua, kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp. Hệ thống đô thị từng bước được mở rộng, chất lượng đời sống của Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, quy mô đô thị còn hạn chế; liên kết không gian phát triển chưa đồng bộ; tiềm năng, lợi thế đặc thù chưa được khai thác, phát huy đầy đủ.

Việc xây dựng Đề án đưa Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương là yêu cầu khách quan, nhằm:

- Cụ thể hóa các định hướng chiến lược phát triển quốc gia và vùng;
- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên và con người;
- Tạo động lực phát triển mới, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh;
- Góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản, phát triển đô thị xanh, bền vững.

Xuất phát từ vị trí, vai trò, tiềm năng và lợi thế của tỉnh; nhằm thống nhất quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và triển khai đồng bộ các chủ trương, giải pháp thực hiện các nghị quyết của Trung ương về phát triển đô thị và các vùng động lực; đồng thời cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030 và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, việc xây dựng Đề án “Xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030” là yêu cầu khách quan, phù hợp với định hướng phát triển và hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025.
2. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
3. Luật Quy hoạch và đô thị nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15.
4. Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
5. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024.
6. Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
7. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025; Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024; Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
8. Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
9. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
10. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
11. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.
12. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
13. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.
14. Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

15. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

16. Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

17. Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

18. Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

19. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

20. Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

21. Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025.

22. Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

23. Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

24. Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW.

25. Nghị quyết số 242/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê chuẩn chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.

26. Nghị định 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính.

27. Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.

28. Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số.

29. Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

30. Văn bản số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị và các Quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

31. Quyết định số 836/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

32. Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 01/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

33. Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

34. Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

35. Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

36. Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

37. Chương trình số 01-CTr/TU ngày 02/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

38. Chương trình số 22-CTr/TU ngày 26/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

39. Chương trình hành động số 18-CT/TU ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

40. Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 15/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30/01/2026.

41. Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 của HĐND tỉnh thông qua Đề án Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030.

42. Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/3/2026 về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2026; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/3/2026 thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 11/NQ-CP.

43. Kế hoạch số 73-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

44. Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

45. Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng và phát triển đô thị Ninh Bình đến năm 2030.

46. Các nghị quyết, chủ trương, chương trình hành động, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình có liên quan.

Phần II **CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN**

I. CƠ SỞ KHOA HỌC

1. Lý luận về phát triển đô thị

Phát triển đô thị là quá trình tất yếu gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong tiến trình này, các đô thị lớn, đặc biệt là các thành phố trực thuộc Trung ương, giữ vai trò then chốt, là động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau:

- Là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại và dịch vụ tổng hợp;
- Là đầu mối giao thông quan trọng, có vai trò kết nối liên vùng, quốc gia và quốc tế.
- Là hạt nhân lan tỏa, dẫn dắt và định hướng phát triển các khu vực xung quanh.

Xu hướng phát triển đô thị hiện đại trên thế giới và trong khu vực cho thấy sự chuyển dịch mạnh mẽ theo các mô hình tiên tiến, bao gồm:

- Đô thị đa trung tâm, phân bố không gian hợp lý, giảm áp lực cho khu vực lõi.
- Đô thị xanh, thông minh, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Đô thị di sản, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử với phát triển kinh tế - xã hội.

2. Lý thuyết phát triển vùng và cực tăng trưởng

Theo lý thuyết cực tăng trưởng, việc hình thành các trung tâm phát triển có quy mô lớn và năng lực cạnh tranh cao sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy sự phát triển của các khu vực lân cận thông qua liên kết kinh tế, đầu tư, lao động và hạ tầng.

Trong bối cảnh vùng Đồng bằng sông Hồng đang chịu áp lực lớn về dân số, hạ tầng và môi trường, việc hình thành các cực tăng trưởng mới là yêu cầu cấp thiết nhằm phân bổ lại không gian phát triển. Với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tiềm năng nổi trội, Ninh Bình có đủ điều kiện để trở thành cực tăng trưởng phía Nam của vùng, góp phần chia sẻ chức năng, giảm tải áp lực cho Thủ đô Hà Nội và thúc đẩy liên kết vùng hiệu quả hơn.

3. Phát triển đô thị gắn với di sản

Ninh Bình có lợi thế đặc biệt về di sản văn hóa và thiên nhiên với giá trị nổi bật toàn cầu. Do đó, định hướng phát triển đô thị cần dựa trên nguyên tắc hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, cụ thể:

- Bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị di sản văn hóa, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên;
- Kiểm soát chặt chẽ phát triển không gian đô thị, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến cấu trúc và giá trị di sản;

- Khai thác hợp lý tài nguyên du lịch theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng.

Mô hình “đô thị di sản” là hướng đi phù hợp, trong đó các khu vực trọng điểm như Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An giữ vai trò hạt nhân, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo tồn di sản.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Xu thế phát triển đô thị tại Việt Nam

Trong thời gian qua, hệ thống đô thị Việt Nam có bước phát triển nhanh cả về quy mô và chất lượng; tỷ lệ đô thị hóa ngày càng tăng. Nhiều địa phương đang định hướng xây dựng và phát triển trở thành thành phố trực thuộc Trung ương nhằm:

- Nâng cao tính tự chủ trong quản lý, điều hành phát triển.
- Tăng cường khả năng thu hút nguồn lực đầu tư.
- Nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh và vai trò trong hệ thống đô thị quốc gia.

2. Kinh nghiệm từ các địa phương

Thực tiễn triển khai tại một số địa phương có điều kiện tương đồng cho thấy, việc xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương cần có cách tiếp cận bài bản, lộ trình phù hợp và cơ chế chính sách đồng bộ. Điển hình là Thừa Thiên Huế với định hướng phát triển “thành phố di sản, văn hóa, sinh thái”.

Các kinh nghiệm chủ yếu có thể rút ra gồm:

- Xây dựng lộ trình phát triển rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đô thị theo quy định hiện hành.
- Ban hành và vận dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù.
- Gắn chặt phát triển đô thị với bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

3. Thực tiễn phát triển của Ninh Bình

Trong những năm gần đây, Ninh Bình đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực:

- Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá.
 - Du lịch phát triển mạnh, từng bước khẳng định vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn.
 - Kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện.
 - Hệ thống đô thị có bước phát triển, diện mạo đô thị ngày càng khang trang, hiện đại.
- Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như:
- Quy mô đô thị còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển.
 - Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa đồng bộ.
 - Chưa có cơ chế, chính sách đặc thù đủ mạnh để tạo đột phá phát triển.

Phần III

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TỈNH NINH BÌNH

I. KHÁI QUÁT VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, QUY MÔ DÂN SỐ

1. Vị trí địa lý

Trung tâm hành chính của tỉnh Ninh Bình đặt tại phường Hoa Lư, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 93 km về phía Nam. Ninh Bình có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, là đầu mối giao thông tổng hợp gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy và định hướng phát triển các phương thức vận tải hiện đại trong tương lai (đường sắt tốc độ cao, đường hàng không).

Tỉnh nằm trên các hành lang kinh tế quan trọng như hành lang Bắc - Nam, hành lang kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ và hành lang kinh tế Đông - Tây; đồng thời là điểm kết nối, chuyển tiếp giữa ba vùng kinh tế lớn của cả nước (Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Trung du và miền núi phía Bắc). Vị trí này tạo điều kiện thuận lợi để Ninh Bình phát triển trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa và đối ngoại quan trọng của khu vực, với trọng tâm là phát triển công nghiệp, du lịch và dịch vụ logistics.

Ninh Bình sở hữu địa hình karst đặc thù, được hình thành qua quá trình kiến tạo địa chất lâu dài, tạo nên hệ thống núi đá vôi, hang động, thung lũng ngập nước, sông ngòi và hệ sinh thái đa dạng, độc đáo. Đây là lợi thế nổi trội về tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan và môi trường sinh thái, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững.

Đặc biệt, Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới, là di sản hỗn hợp đầu tiên của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, khẳng định giá trị nổi bật toàn cầu về cảnh quan, địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học và chiều sâu lịch sử - văn hóa. Đây là nguồn lực đặc biệt quan trọng để định vị thương hiệu, hình ảnh và định hướng phát triển của tỉnh trong tiến trình xây dựng đô thị trực thuộc Trung ương.

Phát huy lợi thế về địa hình karst và hệ thống di sản, Ninh Bình có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh các ngành dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao, từng bước trở thành trung tâm du lịch trọng điểm của quốc gia. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để hình thành và phát triển mô hình đô thị di sản, đô thị sinh thái đặc sắc, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữa tăng trưởng kinh tế với gìn giữ tài nguyên, cảnh quan và bản sắc văn hóa truyền thống.

Tuy nhiên, cùng với tiềm năng, lợi thế nổi trội là yêu cầu cao trong công tác quản lý không gian phát triển, bảo vệ môi trường, kiểm soát chặt chẽ tác động của đô thị hóa và hoạt động du lịch đối với di sản. Do đó, việc khai thác hiệu quả lợi thế địa hình karst gắn với bảo tồn nghiêm ngặt giá trị di sản; xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện môi trường; và tổ chức không gian phát triển hợp lý sẽ là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định trong quá trình xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng đô thị di sản thiên niên kỷ, văn minh, hiện đại và phát triển bền vững.

2. Quy mô dân số

Quy mô dân số tỉnh Ninh Bình (mới) năm 2025 đạt khoảng 4.412.264 người. Trong đó, dân số khu vực đô thị khoảng 1.588.415 nghìn người, chiếm 36% tổng dân số; dân số khu vực nông thôn khoảng 2.823.849 nghìn người, chiếm 64%. Về cơ cấu giới tính, dân số nam khoảng 2.175 nghìn người (chiếm 49,3%), dân số nữ khoảng 2.237 nghìn người (chiếm 50,7%).

Tính đến hết năm 2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 1.950.492 người, chiếm 50,78% tổng dân số. Quy mô lực lượng lao động tăng đáng kể so với năm 2021 (1.873.875 người), phản ánh xu hướng gia tăng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Cơ cấu lao động theo khu vực cho thấy sự chuyển dịch tích cực nhưng còn chậm: lực lượng lao động khu vực đô thị tăng từ khoảng 407,98 nghìn người năm 2021 lên khoảng 597,0 nghìn người năm 2025, chiếm khoảng 30,6% tổng lực lượng lao động; trong khi đó, lao động khu vực nông thôn vẫn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 1.353 nghìn người, tương ứng 69,4%.

Chất lượng lao động từng bước được cải thiện. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ tăng từ 25,8% năm 2021 lên khoảng 31,2% năm 2025; tương ứng quy mô lao động qua đào tạo tăng từ khoảng 476,8 nghìn người lên khoảng 598,8 nghìn người.

Nhìn chung, quy mô dân số lớn, lực lượng lao động dồi dào là lợi thế quan trọng của tỉnh; tuy nhiên, tỷ lệ đô thị hóa và chất lượng nguồn nhân lực vẫn còn hạn chế, đặt ra yêu cầu phải đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy quá trình đô thị hóa trong thời gian tới.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN

1. Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển Kinh tế - Xã hội

1.1. Tổng quan về tăng trưởng kinh tế

1.1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân theo giai đoạn

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP của Ninh Bình ước đạt 8,2%/năm, tiếp tục cao hơn trung bình cả nước (6,53%) và cao hơn mức bình quân vùng Đồng bằng sông Hồng (8,12%), với tốc độ tăng từ 6,45% năm 2021 lên 10,65% năm 2025; cụ thể tốc độ tăng trưởng GRDP của Ninh Bình 3 năm gần nhất đều cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước (năm 2023 là 5,98%/4,98%; năm 2024 là 9,49%/7,04%; năm 2025 là 10,65%/8,02%).

1.1.2. Tốc độ tăng trưởng các khu vực sản xuất

Trong giai đoạn 2021 - 2025, mô hình tăng trưởng của tỉnh Ninh Bình tiếp tục dựa trên hai trụ cột là công nghiệp chế biến - chế tạo và dịch vụ du lịch.

Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,81%/năm; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì mức cao 10,86%/năm, khẳng định vai trò dẫn dắt sản xuất và

xuất khẩu. Khu vực dịch vụ tăng mạnh, đạt 8,92%/năm, nhất là các lĩnh vực du lịch, lưu trú, logistics và thương mại.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,82%/năm, phản ánh quá trình tái cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa và phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

1.1.3. Quy mô GRDP và xếp hạng trong vùng Đồng bằng sông Hồng

Trong giai đoạn 2010-2025, quy mô GRDP của Ninh Bình tăng nhanh từ 58,2 nghìn tỷ đồng năm 2010 lên 203 nghìn tỷ đồng năm 2020 và ước đạt 342.812 tỷ đồng năm 2025 (theo giá hiện hành). Như vậy, quy mô nền kinh tế của tỉnh tăng hơn 6,1 lần so với năm 2010 và 1,75 lần so với năm 2020, phản ánh sự gia tăng công nghiệp hóa và mở rộng sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp chế biến - chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển du lịch trong những năm qua. Tỷ trọng GRDP của tỉnh so với cả nước tăng từ mức 2,29% giai đoạn 2011 - 2020 lên 2,63% giai đoạn 2021 - 2025, cho thấy vị thế kinh tế của tỉnh ngày càng được củng cố. Dù quy mô tuyệt đối còn nhỏ so với các cực tăng trưởng lớn như Hà Nội hay Hải Phòng, Ninh Bình vẫn nằm trong nhóm 6 địa phương có đóng góp trên 2% GRDP toàn vùng và giữ vị trí ổn định trong nhóm giữa của vùng Đồng bằng sông Hồng.

1.1.4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ; đến hết năm 2025, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 47,05%; dịch vụ chiếm 34,39%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 11,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,52%.

1.1.5. Tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người của tỉnh so với cả nước

Giai đoạn 2020 –2025, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Ninh Bình có bước tăng trưởng nhanh và tương đối bền vững; Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt 48,3 triệu đồng/người/năm; đến năm 2025 ước đạt khoảng 79 triệu đồng/người/năm. So với cả nước 3 năm qua thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đều cao hơn so với cả nước (năm 2023 64,3 triệu/59,5 triệu; năm 2024 đạt 70,1 triệu/64,9 triệu; năm 2025 ước đạt 79 triệu/70,8 triệu). So với các tỉnh, thành phố trên cả nước thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đứng ở mức khoảng thứ 6 so với cả nước. Những năm vừa qua thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh đã góp phần nâng cao mức sống dân cư, giảm chênh lệch giữa khu vực thành thị và nông thôn, đồng thời khẳng định đúng định hướng quy hoạch và phát triển kinh tế của địa phương.

1.1.6. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số

Trong xu thế kinh tế số, Ninh Bình đã có những bước tiến vững chắc với tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 12,25% vào năm 2025. Với tốc độ tăng trưởng ổn định bình quân theo giá hiện hành 19,95%/năm trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đang vươn lên mạnh mẽ trong nhóm các địa phương có tốc độ phát triển số hóa nhanh tại vùng Đồng bằng sông Hồng. Nỗ lực này được thể hiện rõ nét qua việc ứng dụng công nghệ vào các lĩnh vực trọng điểm như: du lịch thông minh, thương mại điện tử và tự động hóa sản xuất. Sự dịch chuyển từ mô hình truyền thống sang nền tảng số

không chỉ nâng cao năng lực quản lý hành chính mà còn tạo ra động lực tăng trưởng mới, giúp Ninh Bình từng bước tiệm cận các trung tâm công nghệ lớn trong vùng.

1.1.7. Thực trạng về đầu tư

Tỉnh Ninh Bình tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu về năng lực hấp thụ vốn đầu tư trong khu vực. Giai đoạn 2020 - 2025, tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GRDP đạt mức 51,25%. Ninh Bình nằm trong nhóm cao của vùng Đồng bằng sông Hồng, vượt qua cả các trung tâm công nghiệp lớn như Quảng Ninh và Bắc Ninh. Chỉ số này là minh chứng rõ nét cho môi trường đầu tư thông thoáng và hệ thống hạ tầng đồng bộ, tạo đà vững chắc cho sự phát triển kinh tế bền vững trong năm 2025.

1.1.8. Năng suất lao động

Trong hơn một thập kỷ qua, năng suất lao động của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Từ mức 28,41 triệu đồng/người năm 2010, con số này đã tăng gấp 3,5 lần vào năm 2020 và đạt 178,63 triệu đồng/người vào năm 2025. Với tốc độ tăng trưởng bình quân 13 - 14%/năm, tỉnh đang vượt mức tăng trung bình của cả nước. Sự bứt phá này là kết quả trực tiếp của việc đổi mới công nghệ, phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Dù vẫn còn khoảng cách với các đầu tàu kinh tế lớn, nhưng tốc độ cải thiện năng suất vượt trội đang giúp tỉnh nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển, khẳng định vị thế một cực tăng trưởng năng động trong vùng Đồng bằng sông Hồng vào năm 2025.

1.1.9. Tốc độ tăng năng suất lao động

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh ghi nhận sự bứt phá về năng suất lao động với tốc độ tăng trưởng bình quân theo giá hiện hành trên 10%/năm, bám sát các địa phương dẫn đầu như Hải Phòng và Quảng Ninh. Thành quả này không chỉ đến từ việc gia tăng vốn đầu tư mà còn nhờ bước chuyển mình mạnh mẽ trong ứng dụng công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Với tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 23,3% lên 28,4% (năm 2024), tỉnh đang từng bước hình thành đội ngũ nhân lực có tay nghề và kỷ luật cao, tạo nền móng vững chắc cho mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

1.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

1.2.1. Thực trạng sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản và đầu tư phát triển

Giai đoạn 2021 - 2025, ngành công nghiệp của tỉnh ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng, với giá trị tăng thêm bình quân đạt 10,45%/năm. Khu vực công nghiệp tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Năm 2025 giá trị tăng thêm (VA) ước tăng 14,7%, đạt mức hai con số; trong đó, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mức tăng trưởng cao nhất, với tốc độ tăng ước đạt 16,04%, chiếm 36,83% tổng giá trị tăng thêm của tỉnh. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2025 tăng 122,21% so với năm 2024.

Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề được duy trì phát triển, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân⁽⁴⁾. Ngành nghề nông thôn được quan tâm chỉ đạo; một

⁽⁴⁾ Trên địa bàn tỉnh hiện có 171 làng nghề và làng nghề truyền thống (trong đó 117 làng nghề và 54 làng nghề truyền thống) và 9 nghề truyền thống. Nhiều làng nghề đã tạo được thương hiệu và uy tín trên thị trường như các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ, thêu ren, cối, đúc đồng, gỗ, gốm sành sứ, trồng đào phai...

số làng nghề có thể mạnh, đặc trưng của tỉnh đã tạo được thương hiệu và uy tín trên thị trường như các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ, thêu ren, chế biến cói, gốm sành sứ,... Công tác khuyến công⁽⁵⁾, xúc tiến thương mại giúp các doanh nghiệp tìm kiếm được nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ sản xuất, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tiếp cận, kết nối với các thị trường, đối tác mới, tăng cường kết nối thị trường quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2025 ước đạt 175.775 tỷ đồng, tăng 23,9% so với năm 2024 và vượt 10,5% so với kế hoạch đề ra, cho thấy tình hình sản xuất, kinh doanh tiếp tục xu hướng tích cực ở nhiều ngành, lĩnh vực, cơ bản bảo đảm nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Công tác quản lý đầu tư công được đặc biệt quan tâm; quyết liệt thực hiện nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm; chỉ đạo xử lý dứt điểm các dự án đầu tư công có thời gian thực hiện kéo dài, khó có khả năng hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025; tập trung triển khai các dự án quan trọng trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án kết nối vùng, liên vùng, mở rộng không gian, tạo dư địa và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nhanh, bền vững.

Tổng số vốn kế hoạch năm 2025 giải ngân đạt khoảng 29.509,6 tỷ đồng, bằng 101,8% kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao. Tổng số vốn đầu tư công đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết cho các đơn vị triển khai thực hiện là 67.135,7 tỷ đồng; kết quả giải ngân là 29.509,6 tỷ đồng, đạt 43,9%. Như vậy, tỉnh Ninh Bình đã giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao. Các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm của tỉnh đều triển khai đúng tiến độ, một số dự án vượt tiến độ yêu cầu.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành dịch vụ

a) Về du lịch:

Thương hiệu, hình ảnh du lịch của tỉnh ngày càng được khẳng định trên bản đồ du lịch quốc gia và quốc tế. Trong những năm gần đây, du lịch Ninh Bình tiếp tục được ghi nhận, vinh danh tại nhiều giải thưởng, bảng xếp hạng và danh hiệu uy tín trong nước, khu vực và quốc tế. Nhiều điểm đến, khu du lịch, khu bảo tồn và di sản tiêu biểu của tỉnh đã tạo được dấu ấn nổi bật, như: “chùa Tam Chúc bình chọn là điểm đến Văn hoá hàng đầu thế giới năm 2023”; “Giải thưởng Thành tựu đặc biệt 2024”; đứng thứ 4 trong “Top 10 kỳ quan thế giới mới dành cho những người không thích đám đông”; nằm trong “Top 10 điểm đến thân thiện nhất thế giới”; Quần thể danh thắng Tràng An được đề cử “Điểm đến tạo ảnh hưởng” của giải thưởng Kotler Award; Chùa Bái Đính được bình chọn là điểm đến nổi bật năm 2025”. Tràng An nằm trong nhóm 1% điểm đến yêu thích trên thế giới. Bên cạnh đó, các giá trị sinh thái, cảnh quan và đa dạng sinh học của Ninh Bình cũng tiếp tục được khẳng định thông qua các danh hiệu, chứng nhận có ý nghĩa quan trọng: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long là khu bảo tồn đầu tiên ở Việt Nam đạt chứng chỉ Green List (Danh lục Xanh); vườn quốc gia Cúc Phương 6 năm liên tiếp được vinh danh là Vườn quốc gia hàng đầu châu Á; vườn quốc gia Xuân Thủy được công nhận là khu Ramsar đầu tiên

⁽⁵⁾ Kế hoạch khuyến công năm 2025, trên địa bàn tỉnh tập trung triển khai 53 đề án (gồm: 01 đề án khuyến công quốc gia và 52 đề án khuyến công địa phương), với tổng kinh phí hỗ trợ 12,4 tỷ đồng; đến nay, đã thực hiện 17/53 đề án, với tổng kinh phí 3,35 tỷ đồng.

của Việt Nam và là công viên di sản ASEAN; gần đây nhất Ninh Bình được công nhận là điểm đến địa phương marketing xuất sắc nhất năm 2025.

Những kết quả nêu trên là minh chứng rõ nét cho sức hấp dẫn, uy tín và năng lực cạnh tranh ngày càng được nâng cao của du lịch Ninh Bình; đồng thời góp phần quảng bá mạnh mẽ hình ảnh vùng đất, con người, di sản, văn hóa và thiên nhiên Ninh Bình đến với du khách trong nước và quốc tế, tạo nền tảng quan trọng để tỉnh tiếp tục phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, bền vững.

Lượng khách du lịch, doanh thu và việc làm trong ngành du lịch tăng trưởng mạnh qua từng năm. Năm 2025, đạt trên 19,4 triệu lượt khách du lịch (trong đó khách quốc tế trên 2,2 triệu lượt), doanh thu đạt trên 21.000 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng (giai đoạn 2020-2025) về khách du lịch đạt 28%/năm, về doanh thu du lịch đạt 45%/năm. Bình quân giai đoạn 2020-2025, lượng khách tăng 25,4%/năm, tổng thu du lịch tăng 43%/năm, đóng góp ngày càng lớn vào GRDP của tỉnh và tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch

Công tác phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch được chú trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch di sản bền vững trong tiến trình xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, như công tác quản lý hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội... Hoạt động thanh tra, kiểm tra được tăng cường, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm trong quản lý xây dựng, đất đai và bảo tồn di tích.

Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An được triển khai nghiêm túc, tuân thủ quy định của Nhà nước và các khuyến nghị của UNESCO.

b) Về thương mại, dịch vụ:

Giai đoạn 2021 - 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 975.333 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 18,68%/năm; tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 75,92 tỷ USD, tăng trưởng bình quân 30,94%/năm, trong đó năm 2025 ước đạt 26,9 tỷ USD. Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển theo hướng hiện đại, gắn với các mô hình kinh tế sáng tạo; hạ tầng thương mại được đầu tư đồng bộ; công tác xúc tiến thương mại được tăng cường, cùng với 385 chợ truyền thống, 24 siêu thị, 06 trung tâm thương mại và hàng nghìn cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa.

1.2.3. Thực trạng phát triển nông, lâm, thủy sản

Giá trị tăng thêm (VA) khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 theo giá so sánh năm 2010 ước đạt 20.126 tỷ đồng, tăng 2,82%; giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác đạt 202,3 triệu đồng, vượt 1,38% kế hoạch.

a) Về trồng trọt và chăn nuôi:

- Về trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt trên địa bàn tỉnh (sau sáp nhập) giai đoạn 2020 - 2025 giảm nhẹ bình quân khoảng 1,3%/năm. Diện tích lúa giảm chủ yếu do đô thị hóa, phát triển khu công nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, song vẫn bảo đảm quy mô cần thiết phục vụ an ninh lương thực vùng.

- Về chăn nuôi: Khu vực chăn nuôi duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, giá trị sản xuất tăng nhẹ, đảm bảo nguồn cung thịt, trứng và thực phẩm cho vùng đồng bằng sông Hồng, đồng thời từng bước hình thành chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ tập trung.

b) Về lâm nghiệp:

Tính đến nay, tổng diện tích rừng và chưa thành rừng là 39.253,40 ha; trong đó, diện tích rừng (bao gồm cả diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ) là 36.439,85 ha (diện tích có rừng tự nhiên: 27.967,65 ha; diện tích có rừng trồng: 7.135,67 ha; diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ rừng: 1.336,53 ha); diện tích có cây tái sinh: 116,28 ha; diện tích khác: 2.697,27 ha. Rừng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, góp phần hình thành hệ thống phòng hộ bền vững và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế xanh của tỉnh.

c) Về thủy sản:

Ngành thủy sản phát triển nhanh, đặc biệt ở vùng ven biển, với diện tích nuôi trồng thủy sản đạt trên 35,265 nghìn ha, tập trung nuôi tôm, ngao, cá nước ngọt theo hướng VietGAP và tuần hoàn. Có nhiều mô hình phát triển thủy sản như: “Cá sông trong ao” (Hà Nam) - đạt OCOP 4 sao, năng suất và hiệu quả kinh tế vượt trội. Công nghiệp chế biến thủy sản đang được đầu tư, bước đầu hình thành chuỗi liên kết tiêu thụ ổn định. Xét theo tiểu vùng, Nam Định có sản lượng thủy sản lớn nhất, chiếm trên 65% tổng sản lượng toàn vùng; tiếp đến là tiểu vùng Ninh Bình và Hà Nam.

1.2.4. Thực trạng phát triển lĩnh vực văn hóa, xã hội

a) Giáo dục - Đào tạo (*tính đến hết năm học 2024 - 2025*):

Giáo dục và đào tạo là một trong những thế mạnh nổi bật của tỉnh Ninh Bình, với chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn luôn thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Tỉnh có nhiều cơ sở giáo dục có bề dày truyền thống và thành tích xuất sắc, trong đó điển hình là các trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy và Trường THPT chuyên Biên Hòa, tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển nguồn nhân lực. Năm học 2024-2025, chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn của tỉnh đạt nhiều thành tích nổi bật, thể hiện rõ nét nhất qua kết quả các kỳ thi, cuộc thi cấp quốc gia: Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT có 227/299 học sinh đạt giải (75,9%), gồm 1 giải Nhất, 54 giải Nhì, 81 giải Ba và 91 giải Khuyến khích. Tại Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, cả 9/9 dự án dự thi đều đoạt giải. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, Ninh Bình xếp thứ 3 toàn quốc về điểm trung bình các môn thi; trong đó đứng đầu cả nước ở 3 môn Toán, Tin học và Địa lí. Tỉnh có 1 học sinh đạt thủ khoa toàn quốc khối A00 với 30/30 điểm và 1 học sinh đạt thủ khoa toàn quốc kỳ thi tốt nghiệp THPT với 39/40 điểm, khẳng định vị thế là một trong những trung tâm giáo dục chất lượng cao của cả nước.

Giáo dục mầm non: Ngành giáo dục Ninh Bình đạt nhiều kết quả tích cực trong chăm sóc và phát triển trẻ; 100% trẻ đến trường được bảo đảm an toàn và theo dõi sức khỏe theo chuẩn WHO; tỷ lệ suy dinh dưỡng giảm còn 0,65 - 1,25%. Công tác phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi được duy trì tại 100% xã, phường; các phương pháp giáo dục tiên tiến và ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai đồng bộ, góp

phần nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình, sẵn sàng vào lớp Một.

Giáo dục tiểu học: Tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,49%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,98%; học sinh xếp loại Đạt trở lên về phẩm chất đạt 99,95%; học sinh xếp loại Đạt về năng lực đạt 99,96%. Triển khai chương trình làm quen với tiếng Anh đối với lớp 1, lớp 2 (02 tiết/tuần, trên cơ sở tự nguyện), với tổng số 94.414 học sinh lớp 1 và lớp 2 tham gia. Tiếp tục triển khai Đề án tăng cường dạy học tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài tại một số trường (địa bàn tỉnh Nam Định cũ). Khuyến khích các nhà trường tổ chức các tiết học kết nối với các trường trong, ngoài tỉnh và nước ngoài (Ấn Độ, Nhật Bản, Bangladesh,...).

Giáo dục trung học: Các trường trung học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đẩy mạnh lồng ghép giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm, góp phần phát triển toàn diện năng lực học sinh; công tác quản lý dạy thêm, học thêm được thực hiện nghiêm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT, bảo đảm môi trường giáo dục lành mạnh, minh bạch. Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng cao, thể hiện qua kết quả xếp loại cuối năm: cấp THCS có trên 80% học sinh đạt học tập loại Tốt và Khá, gần 88% đạt rèn luyện loại Tốt và Khá; cấp THPT có 70,68% học sinh đạt rèn luyện loại Tốt và 74,08% đạt học tập loại Tốt. Nhiều học sinh đạt giải tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT và các kỳ thi Olympic quốc tế.

Giáo dục thường xuyên: Thực hiện tốt kế hoạch giáo dục năm học; đổi mới phương pháp dạy học gắn với đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Số học viên tại các Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX trong năm học 2024 - 2025 là 23.745 học viên, tăng 1.714 học viên so với năm học 2023 - 2024.

Giáo dục nghề nghiệp: Công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh được mở rộng và đa dạng hóa về ngành nghề đào tạo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đào tạo được nâng cấp, chuẩn hóa, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực có tay nghề cao. Kết quả tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024 là 54.366 người (trình độ cao đẳng: 1.766 người; trình độ trung cấp: 9.417 người; trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng: 43.183 người). Tại Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2024, toàn tỉnh đạt 13 giải: 02 giải Nhất, 02 giải Nhì, 05 giải Ba và 04 giải Khuyến khích. Đoàn giáo viên của tỉnh Nam Định (cũ) đạt giải Ba toàn đoàn (trên tổng số 68 đoàn tham gia).

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe:

Giai đoạn 2021 - 2025, đội ngũ cán bộ y tế tỉnh Ninh Bình được tăng cường cả về số lượng và chất lượng; tỷ lệ bác sĩ đạt 10,5/10.000 dân, tỷ lệ dược sĩ đại học đạt 2,5/10.000 dân; 70,7% trạm y tế xã, phường có bác sĩ làm việc, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ngành y tế tỉnh chú trọng phát triển các kỹ thuật y học chuyên sâu; nhiều kỹ thuật công nghệ cao được triển khai thành công tại các bệnh viện tuyến tỉnh, đặc biệt trong các lĩnh vực phẫu thuật nội soi, can thiệp tim mạch, sản phụ khoa và nhi khoa. Qua đó, chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, góp phần cung cấp dịch vụ y tế hiện đại, hiệu quả cho người dân.

c) Văn hóa - Tín ngưỡng:

Sau sáp nhập năm 2025, tỉnh Ninh Bình (mới) không chỉ mở rộng không gian phát triển mà còn hình thành một không gian văn hóa - di sản đặc sắc, hội tụ giá trị tiêu biểu của ba vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển du lịch và kinh tế di sản.

Trên địa bàn tỉnh hiện có nhiều di sản và di tích tiêu biểu, gồm: Quần thể danh thắng Tràng An - Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới; Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ - Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; cùng các Di tích Quốc gia đặc biệt như Cố đô Hoa Lư, Khu di tích đền Trần - chùa Tháp và chùa Long Đọi Sơn, khẳng định vị thế nổi bật của tỉnh trong hệ thống di sản quốc gia và quốc tế.

- Về Di sản văn hoá vật thể:

Tính đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình mới có hệ thống di sản văn hóa, lịch sử phong phú, gồm:

+ 01 Di sản Thiên nhiên Thế giới: Quần thể danh thắng Tràng An.

+ 10 Di tích quốc gia đặc biệt, tiêu biểu như: Cố đô Hoa Lư (khu vực núi đá Trường Yên và đền vua Đinh, vua Lê); Quần thể Tam Chúc; Quần thể danh thắng Tràng An - Tam Cốc, Bích Động; Khu di tích đền Trần - chùa Phổ Minh; chùa Đọi Sơn; chùa Cổ Lễ; đền Trần Thương; núi Non Nước; đền Xám; di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Keo Hành Thiện.

+ 264 di tích cấp quốc gia và 832 di tích cấp tỉnh.

+ 17 Bảo vật Quốc gia, gồm các hiện vật tiêu biểu như: cột kinh Phật chùa Nhất Trụ; bia Sùng Thiện Diên Linh; bộ tượng Trúc Lâm Tam Tổ; trống đồng Tiên Nội I, trống đồng Vũ Bản; các long sàng, phủ Việt thời Đinh - Lê; tượng Phật A Di Đà thời Lý; bộ cửa “lưỡng long châu nhật” chùa Phổ Minh; cùng nhiều hiện vật có giá trị lịch sử, nghệ thuật đặc sắc khác.

Hệ thống di sản đa dạng và có giá trị nổi bật này là nguồn lực quan trọng cho bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch và kinh tế di sản bền vững của tỉnh.

- Về Di sản văn hoá phi vật thể:

Ninh Bình cũng là địa phương có hệ thống di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc với 40 di sản đã được công nhận, trong đó có Di sản “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, di sản, tâm linh, lễ hội, gắn với công nghiệp văn hóa và sáng tạo nghệ thuật.

Công tác bảo tồn di sản, phát triển văn hóa được đặc biệt quan tâm, có nhiều đột phá trong khai thác tài nguyên di sản, nguồn lực văn hóa phục vụ phát triển. Các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được quan tâm đầu tư bảo tồn, phục hồi, có nhiều chính sách gắn kết chặt chẽ với khai thác các giá trị văn hóa đặc sắc phục vụ phát triển kinh tế, phát huy các danh hiệu UNESCO⁶, nhất là Quần thể danh thắng

⁶ Quần thể danh thắng Tràng An được ghi danh là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 2014. Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2016.

Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, Cố đô Hoa Lư, cụm di tích nhà Trần, Chùa Bái Đính, Khu du lịch Tam Chúc, Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Phủ Dầy,... Phát huy nguồn lực văn hóa, tài nguyên di sản để phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí thông qua các hình thức công viên chủ đề, chuyên đề⁷, làng nghề sáng tạo, lâm viên hóa nông trại⁸, du lịch cộng đồng, xây dựng thương hiệu địa phương⁹. Môi trường văn hóa được coi trọng gắn với xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy đô thị văn minh.

d) Mức sống dân cư:

Giai đoạn 2021-2025, mức sống của người dân tỉnh Ninh Bình được cải thiện rõ rệt; thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt khoảng 79 triệu đồng/năm, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 1,13%. Chất lượng sống tiếp tục được nâng cao thông qua việc mở rộng tiếp cận nước sạch, cùng hệ thống an sinh xã hội, giáo dục và y tế cơ sở được đầu tư đồng bộ, bảo đảm độ bao phủ dịch vụ trên toàn địa bàn.

1.2.5. Công tác cải cách hành chính; phát triển Khoa học - Công nghệ

Công tác cải cách hành chính của tỉnh Ninh Bình được triển khai toàn diện, đồng bộ trên tất cả 06 nội dung theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; tập trung tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, chú trọng đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính với quan điểm gắn cải cách thủ tục hành chính với chuyển đổi số, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Do đó, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh được cải thiện qua các năm, năm cao sau hơn năm trước, ***đặc biệt năm 2024 xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố; năm 2025 xếp thứ 4/34 tỉnh, thành phố trong cả nước.***

Hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, công nghiệp và khoa học xã hội - nhân văn; nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả vào sản xuất và đời sống. Các nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho phát triển bền vững, gắn bảo tồn di sản với phát triển du lịch và bảo đảm an sinh xã hội, đã nghiệm thu 22 đề tài, dự án khoa học và công nghệ, trong đó có 02 đề tài xếp loại xuất sắc.

1.2.6. Quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại

Lực lượng vũ trang trong tỉnh duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm tình hình, phối hợp xử lý hiệu quả các tình huống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ được triển khai đồng bộ; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng

⁷ Trong nhiệm kỳ, Ninh Bình đã đưa vào khai thác các công viên như: Công viên khủng long, Không gian văn hóa cư dân tiền sử, Phố cổ Hoa Lư, Không gian Đền Kính thiên, đẩy nhanh xây dựng Công viên Văn hóa Tràng An; Công viên nước Sun World.

⁸ Khu vực Tam Cốc - Bích Động là điển hình du lịch cộng đồng, địa điểm du lịch nổi tiếng Thung Nham là mô hình tiêu biểu "lâm viên hóa nông trại".

⁹ Từ năm 2023 - 2025, Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình phối hợp với UNESCO tiến hành nghiên cứu, lượng giá thương hiệu Quần thể danh thắng Tràng An với giá trị 214 tỷ USD.

cố quốc phòng, quy hoạch, bố trí quốc phòng và xây dựng công trình phòng thủ, tạo môi trường ổn định cho phát triển.

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh; kinh tế đối ngoại phát triển tích cực, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng xuất, nhập khẩu. Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế được tăng cường, đặc biệt là hợp tác với UNESCO; hoạt động đối ngoại ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế và thương hiệu của tỉnh.

2. Hiện trạng sử dụng đất

Tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2025, tỉnh Ninh Bình được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Hà Nam, tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình. Sau khi sắp xếp, tỉnh Ninh Bình có quy mô dân số là 4.412.264 người. Tỉnh Ninh Bình giáp các tỉnh Hưng Yên, Phú Thọ, Thanh Hóa, thành phố Hà Nội và Biển Đông. Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Ninh Bình tính đến 31/12/2024 là 394.606,4 ha, được phân bổ ở 129 đơn vị hành chính cấp xã (theo đơn vị hành chính mới). Bình quân diện tích tự nhiên trên đầu người của tỉnh là 0,08 ha/người.

3. Hiện trạng phát triển đô thị, nông thôn

3.1. Hiện trạng phát triển đô thị

Trước khi sắp xếp, hệ thống đô thị của 3 tỉnh cũ đã được công nhận, bao gồm 38 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Hoa Lư), 02 đô thị loại II (thành phố Nam Định, thành phố Phủ Lý), 01 đô thị loại III (thành phố Tam Điệp), 03 đô thị loại IV và 31 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa tính theo dân số các đô thị đã được công nhận loại đô thị trước sáp nhập trên địa bàn toàn tỉnh Ninh Bình mới là khoảng 36%. Sau sáp nhập, trên địa bàn tỉnh có 32 phường/tổng số 129 đơn vị hành chính cấp xã.

Ngày 07/02/2026, UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình¹⁰. Theo đó, sau chuyển tiếp, tỉnh Ninh Bình có 4 đô thị loại II (Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý, Tam Điệp) và 34 đô thị loại III; 01 phường đạt mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị loại II và 31 phường đạt mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị loại III.

Nhìn chung, việc sáp nhập địa giới hành chính đã tạo ra bước đột phá về không gian, giúp hệ thống đô thị tỉnh Ninh Bình hội tụ đa dạng các chức năng trọng điểm: từ bảo tồn di sản, văn hóa (Hoa Lư, Tràng An), trung tâm công nghiệp - dịch vụ - giáo dục (Duy Tiên, Phủ Lý, Tam Điệp) cho đến kinh tế sinh thái biển (Nam Định cũ, Kim Sơn). Mạng lưới bao gồm 04 cực đô thị loại II đóng vai trò trung tâm và 34 đô thị loại III cấp tiểu vùng được phân bổ gắn kết chặt chẽ dọc theo các hành lang kinh tế huyết mạch như Bắc - Nam, Đông - Tây và tuyến ven biển.

3.2. Hiện trạng nông thôn

¹⁰ Theo Điều 15 “Điều khoản chuyển tiếp” Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

Dân cư nông thôn tỉnh Ninh Bình (sau sáp nhập) phân bố đặc trưng theo ba khu vực địa lý gắn liền với các thế mạnh kinh tế riêng biệt:

- *Vùng đồng bằng thấp trũng*: Tập trung thâm canh nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp phát triển công nghiệp dệt, cơ khí và bảo tồn làng nghề truyền thống.

- *Vùng đồng bằng ven biển*: Với hơn 92km bờ biển, đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế tổng hợp và nuôi trồng thủy hải sản.

- *Vùng trung tâm công nghiệp - dịch vụ*: Nơi hội tụ các phố nghề, dịch vụ chuyên ngành và công nghiệp chế biến có lịch sử phát triển lâu đời. Hình thái cư trú tại đây rất đa dạng nhưng không đồng đều, chủ yếu tập trung thành mảng dày dọc Quốc lộ 10 hoặc bám theo các trục vành đai và tuyến giao thông chính hướng Bắc - Nam, Đông - Tây. Đặc biệt, tại các khu vực ven biển, dân cư hình thành các tuyến tia hướng ra biển, tạo thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng kinh tế biển và dịch vụ logistics trong giai đoạn phát triển mới 2025.

4. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và xã hội

4.1. Hiện trạng mạng lưới giao thông

Ninh Bình (được thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất ba tỉnh: Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình) có mạng lưới giao thông phân bố tương đối hợp lý, bao gồm 4 loại hình: giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và đường biển. Đường sắt, cảng biển do Trung ương quản lý cả về quy hoạch và khai thác. Đường bộ, đường thủy nội địa do Trung ương và tỉnh phân chia quản lý theo quy định pháp luật.

4.1.1. Hiện trạng kết cấu hạ tầng đường bộ

- Mạng lưới giao thông đường bộ có độ phủ lớn nhưng tỷ trọng các tuyến đường trục, đường khung còn thấp so với tổng chiều dài, trong khi nhu cầu kết nối các cực tăng trưởng (đô thị - khu công nghiệp - du lịch - ven biển) hiện đang tăng nhanh. Nhiều tuyến đường xã/đô thị đang đảm nhiệm chức năng kết nối động lực nhưng phân cấp quản lý chưa tương xứng; cần rà soát điều chỉnh phân cấp và nâng cấp tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Tổng chiều dài mạng lưới đường bộ khoảng 2,0521 km, trong đó: Các tuyến đường cao tốc đi qua địa bàn tỉnh (CT.01, CT.16, CT.39, CT.11, CT.08) trong đó có tuyến CT.01 dài khoảng 73,6 km; Quốc lộ 768,25 km; Đường tỉnh 872,02 km; Đường huyện 1,012.99 km; đường đô thị 2,045.26 km; đường xã 4,823.98 km; đường chuyên dùng 278.68 km; đường thôn 10,541.28 km; cụ thể như sau:

a) Hệ thống quốc lộ:

- Đường bộ cao tốc: Trên địa bàn tỉnh hiện có tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua tỉnh dài 73,6 km. Tuyến cao tốc được thiết kế theo quy mô 6 làn xe, hiện đang khai thác 4 làn xe. Một số tuyến cao tốc khác như tuyến Cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, CT.16, CT.39, CT.11, CT.08 và 02 tuyến cao tốc kết Nối 3 trung tâm lớn của tỉnh đang trong quá trình triển khai, thực hiện dự án.

- Quốc lộ: Trên địa bàn tỉnh có 16 tuyến quốc lộ (trong đó có 03 tuyến tránh), với tổng chiều dài 715,27 km, gồm các tuyến: QL.1, QL.1 tránh thành phố Phủ Lý, QL.1 tránh Ninh Bình, QL.10, QL.12B, QL.21A, QL.21B, QL.37B, QL.38,

QL.38B, QL.38 tránh thị trấn Hòa Mạc, QL.45, đường nối hai tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đường dẫn phía Nam cầu Thái Hà, đường nối QL.1 với cảng Ninh Phúc, đường gom cao tốc Mai Sơn - QL.45. Hệ thống quốc lộ cơ bản đạt quy mô từ cấp VI đến cấp II; trong đó chủ yếu từ cấp VI đến cấp III (chiếm 88,46%). Kết cấu mặt đường chủ yếu là láng nhựa và bê tông nhựa, chiếm 99,86%.

b) Hệ thống đường tỉnh:

Tính đến thời điểm Quý IV/2025, trên địa bàn tỉnh hiện có 52 tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài khoảng 872,02 km, trong đó 134,81 km đường BTXM; 584,93 km đường BTN; 151,31 km đường láng nhựa, còn lại khoảng 1 km đường cấp phối, đất; chủ yếu đạt quy mô cấp III, IV chiếm khoảng 67%.

c) Hiện trạng bến, bãi đường bộ:

- *Bến xe khách*: Toàn tỉnh hiện có 25 bến xe khách đang quản lý, khai thác, phục vụ vận tải hành khách tuyến cố định. Mạng lưới bến xe cơ bản đáp ứng nhu cầu hiện tại; tuy nhiên còn thiếu bến xe tại một số khu vực, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

- *Trạm dừng nghỉ*: Các trạm dừng nghỉ cơ bản trên các tuyến quốc lộ (Trạm Dừng Nghỉ Cầu Giẽ và Trạm Dừng Nghỉ Liêm Tuyền...), tuy nhiên nhiều trạm điểm dừng nghỉ hình thành tự phát từ các hộ dân cư sống dọc bên đường, quy mô chưa đảm bảo theo quy định của trạm dừng nghỉ đường bộ, chất lượng dịch vụ tại các trạm dừng nghỉ chưa cao. Trên hệ thống đường tỉnh cơ bản chưa có các trạm dừng nghỉ.

- *Bãi đỗ xe*: Hệ thống bãi đỗ xe, đặc biệt tại trung tâm đô thị, còn thiếu và chưa đồng bộ, gây tình trạng dừng, đỗ xe không đúng quy định, ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông.

d) Giao thông đô thị, nông thôn

Tổng chiều dài các tuyến đường đô thị chính đạt khoảng 2,045.26 km; hệ thống giao thông nông thôn có khoảng 4,823.98 km đường xã. Trước đây, nhiều tuyến đường, đặc biệt trong khu vực phố cũ, có quy mô nhỏ, mặt đường hẹp (≤ 2 làn xe), thiếu vỉa hè, hệ thống chiếu sáng, dải phân cách; chất lượng mặt đường và hệ thống thoát nước còn hạn chế. Hiện nay, các đô thị đã được đầu tư xây dựng hệ thống đường trục chính có quy mô lớn (từ 4-8 làn xe), với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ gồm vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, góp phần hình thành các trục cảnh quan đô thị. Giao thông nông thôn cũng được nâng cấp gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới; nhiều tuyến đường đã được thảm nhựa, bê tông hóa, từng bước tiệm cận tiêu chí đô thị.

4.1.2. Hiện trạng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Các tuyến sông:

Năm 2025, tỉnh Ninh Bình sở hữu hệ thống sông ngòi dày đặc với 17 tuyến sông, kênh tổng chiều dài 922 km, bao gồm hơn 400 km đường thủy nội địa quốc gia. Các dòng sông chính như sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ, Hoàng Long và sông Vạc không chỉ giữ vai trò tiêu thoát nước, phòng chống thiên tai mà còn là mạch máu giao thông quan trọng kết nối tỉnh với các trung tâm kinh tế lớn như Hà

Nội, Hải Phòng và Thanh Hóa. Mạng lưới đường thủy của tỉnh đóng vai trò hỗ trợ đắc lực cho đường bộ, tập trung vận chuyển vật liệu xây dựng, nông sản và phục vụ du lịch sinh thái ven sông. Với đặc thù chịu ảnh hưởng của thủy triều và xâm nhập mặn, tỉnh đang chú trọng nâng cấp luồng tuyến, nạo vét duy tu và cải thiện tính không cầu. Việc khai thác hiệu quả tài nguyên mặt nước này là yếu tố then chốt để phát triển kinh tế đa ngành, từ nông nghiệp công nghệ cao đến dịch vụ logistics và công nghiệp, khẳng định vị thế "cửa ngõ" giao thương đường thủy của vùng Đồng bằng sông Hồng. Cụ thể như sau:

- Tuyến đường thủy nội địa quốc gia: gồm 5 tuyến, tổng chiều dài 406 km.

- Tuyến đường thủy nội địa địa phương, gồm: 36 tuyến, kênh tổng chiều dài 625 km.

Đặc thù Ninh Bình là tỉnh ven biển, có 5 cửa sông lớn là Ba Lạt, Lạch Giang, Ninh Cơ, Cửa Đáy, Cửa Cồn.

b) Cảng thủy nội địa:

Năm 2025, mạng lưới vận tải thủy của Ninh Bình vận hành với 47 bến, cảng hàng hóa chiến lược, tập trung dọc các trục sông huyết mạch như sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ và sông Hoàng Long. Hệ thống này giữ vai trò là "cánh tay nối dài" cho hạ tầng giao thông đường bộ, phục vụ hiệu quả nhu cầu bốc xếp vật liệu xây dựng, hàng nông sản, phân bón và hàng tiêu dùng. Không chỉ đáp ứng nhu cầu nội tỉnh, hệ thống cảng bến tại Ninh Bình còn đóng vai trò đầu mối phân phối hàng hóa quan trọng cho toàn vùng Đồng bằng sông Hồng và ven biển Bắc Trung Bộ. Với định hướng hiện đại hóa, tỉnh đang từng bước nâng cấp các bến tự nhiên thành các cảng kiên cố có hệ thống kho bãi tập trung, tạo nền tảng vững chắc để phát triển dịch vụ logistics và kinh tế biển bền vững.

4.1.3. Hiện trạng kết cấu hạ tầng cảng biển

a) Cảng biển:

Theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Ninh Bình có 02 cảng biển loại III: cảng biển Nam Định, cảng biển Ninh Bình. Cỡ tàu: trọng tải đến 3.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện.

b) Bến phao, khu neo đậu chuyển tải:

Tại Ninh Cơ, vị trí vùng nước khu vực ngoài cửa Lạch Giang; phục vụ chuyển tải hàng lỏng, hàng rời cho tàu trọng tải đến 50.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện.

c) Khu neo tránh, trú bão:

Tại khu vực xã Hải Thịnh có thể cho tàu có trọng tải 3.000 ÷ 5.000 tấn và các khu vực khác có đủ điều kiện. Hiện nay, cơ quan chuyên môn đang nghiên cứu khả năng hình thành cảng biển tại Kim Sơn (phục vụ khu kinh tế Kim Sơn), Cồn Nổi (phục vụ tàu khách). Nhìn chung, tỉnh Ninh Bình có bờ biển dài khoảng trên 92 km, có 02 cảng biển, nhưng trong thời gian qua chưa có chiến lược để phát triển tiềm năng cảng biển.

4.1.4. Hiện trạng kết cấu hạ tầng đường sắt

a) Tuyến đường sắt:

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện có 04 tuyến đường sắt, gồm tuyến đường sắt Hà Nội - TP.HCM và các tuyến đường sắt chuyên dùng. Cụ thể:

- *Tuyến đường sắt Bắc - Nam*: Là tuyến đường sắt xương sống của quốc gia, đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình dài khoảng 94 km, khổ đường 1.000 mm; khai thác tàu khách với tốc độ tối đa 80 km/h và tàu hàng 60 km/h, phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa Bắc - Nam.

- *Tuyến đường sắt nhánh rẽ vào Nhà máy phân lân Ninh Bình*: Kết nối với đường sắt quốc gia tại Km120+520, tổng chiều dài 2,072 km; tuyến nối ra cảng Ninh Bình dài khoảng 2,0 km. Hiện nay, tuyến đã dừng hoạt động.

- *Tuyến đường sắt chuyên dùng Phủ Lý - Kiện Khê - Bút Sơn*: Dài 8,2 km; hiện đã ngừng khai thác khoảng 5 km đoạn từ Nhà máy xi măng Bút Sơn đến ga Thịnh Châu. Đoạn còn lại từ ga Thịnh Châu đến ga Phủ Lý (thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình) chỉ khai thác hạn chế, lưu lượng hàng hóa thấp (khoảng 01 chuyến/ngày), tuyến đường sắt ảnh hưởng đến giao thông đô thị khu vực tuyến đi qua; đồng thời tỉnh không cầu đường sắt (Cầu Đọ Xá) trên tuyến làm hạn chế khả năng thông thuyền trên sông Đáy.

- *Tuyến đường sắt chuyên dùng nối với cảng Ninh Bình*: Dài 2,0 km; hiện đang hoạt động bình thường, phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa xây dựng, công nghiệp.

b) Ga đường sắt:

Trên đoạn tuyến đường sắt Bắc - Nam và các đường sắt chuyên dùng qua địa phận tỉnh Ninh Bình có 14 ga, trong đó ga Ninh Bình là ga tác nghiệp tàu, quy mô ga loại I, là loại ga hỗn hợp cho cả hành khách và hàng hóa.

4.1.5. Hạ tầng logistics

Hạ tầng logistics trên địa bàn tỉnh Ninh Bình bao gồm hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, các trung tâm logistics và hệ thống kho bãi, bến cảng phục vụ vận tải, phân phối hàng hóa.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông tương đối đồng bộ, gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và đường biển, giữ vai trò quan trọng trong phát triển chuỗi logistics vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Hệ thống đường bộ với các tuyến cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10, Quốc lộ 21 và tuyến ven biển đang đầu tư hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa liên vùng. Tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua địa bàn tỉnh với các ga lớn, thuận tiện cho vận chuyển hàng rời và hàng công nghiệp. Mạng lưới đường thủy nội địa sông Hồng - Đáy - Ninh Cơ - Hoàng Long kết nối liên hoàn với các cảng, bến lớn như Ninh Phúc, Khánh Phú, Yên Lệnh, Thái Hà, đóng vai trò trực vận tải thủy chính của khu vực. Khu vực ven biển tiếp cận các cửa Lạch Giang, Ninh Cơ, sông Đáy, có khả năng tiếp nhận tàu đến 3.000 tấn, tạo điều kiện phát triển logistics ven biển.

- Trung tâm logistics: Hiện nay, tỉnh chưa có trung tâm logistics cấp vùng được đầu tư hoàn chỉnh; hoạt động logistics chủ yếu gắn với các khu công nghiệp, bến

cảng và doanh nghiệp vận tải. Một số khu vực đang được định hướng hình thành trung tâm logistics, gồm khu vực Đồng Văn - Phủ Lý với vai trò trung tâm logistics cấp tỉnh; khu vực Ninh Cơ được xác định trong quy hoạch quốc gia là trung tâm logistics cửa sông - ven biển, hiện đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư. Ngoài ra, khu vực Ninh Phúc - Khánh Phú tuy chưa phải trung tâm logistics chính thức nhưng đang hoạt động như một đầu mối logistics hàng hóa lớn của tỉnh.

- Hệ thống kho bãi: Hệ thống kho bãi tại các cảng, bến thủy nội địa và ga đường sắt hiện có quy mô nhỏ, diện tích hạn chế, công nghệ xếp dỡ còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu xếp dỡ hàng container, do đó năng lực cung ứng dịch vụ logistics còn thấp.

4.2. Hiện trạng vận tải

4.2.1. Tình hình khai thác vận tải

a) Vận tải đường bộ:

Hoạt động vận tải đường bộ tại Ninh Bình phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò chủ đạo trong việc kết nối vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Tỉnh sở hữu mạng lưới giao thông hiện đại với hơn 173 tuyến vận tải cố định liên tỉnh và 20 tuyến xe buýt công cộng tần suất cao, đáp ứng tối ưu nhu cầu đi lại của người dân. Vận tải hàng hóa đường bộ chiếm ưu thế tuyệt đối, đảm nhận hơn 85% tổng sản lượng hàng hóa của tỉnh. Với đội ngũ hơn 15.000 xe tải và gần 2.000 xe container, hoạt động vận chuyển tập trung phục vụ 12 khu công nghiệp trọng điểm (Đồng Văn, Hòa Xá - Mỹ Trung, Khánh Phú - Gián Khẩu). Hướng vận tải chính tập trung ra cảng Lạch Huyện và các trung tâm logistics miền Bắc, khẳng định vai trò chiến lược của Ninh Bình trong chuỗi cung ứng hàng hóa khu vực.

b) Vận tải đường thủy nội địa:

Trên địa bàn tỉnh có khoảng 36 đơn vị đăng ký kinh doanh vận tải thủy nội địa, chủ yếu là các doanh nghiệp, hợp tác xã quy mô nhỏ và các hộ kinh doanh.

4.2.2. Hiện trạng phương tiện vận tải

Tính đến năm 2025, tỉnh Ninh Bình mới ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ về phương tiện giao thông với khoảng 99.000 xe ô tô các loại đang lưu hành. Tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức cao, đặc biệt là dòng xe con cá nhân (tăng bình quân 10%/năm), phản ánh sự bứt phá về mức sống và thu nhập của người dân địa phương. Cơ cấu phương tiện đang có sự dịch chuyển rõ nét: tăng mạnh xe cá nhân và các dịch vụ vận tải công nghệ, trong khi vận tải hành khách truyền thống có xu hướng giảm dần. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho tỉnh trong việc đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông tỉnh, phát triển hệ thống bến bãi hiện đại và triển khai Trung tâm điều hành giao thông thông minh để đảm bảo an toàn và tối ưu hóa năng lực hạ tầng trong giai đoạn mới.

4.2.3. Đánh giá hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải

Sự liên kết, tính đồng bộ giữa kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng logistics trong tỉnh với vùng, cả nước và quốc tế và với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh. Cơ bản hệ thống giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình đã có sự kết nối giữa các phương thức vận tải đường bộ, đường sắt, đường

thủy nội địa, cảng biển. Kết nối giữa tỉnh Ninh Bình với tỉnh Thanh Hóa, Phú Thọ, Hà Nội, khu vực đồng bằng sông Hồng cũng như các tỉnh phía Nam cơ bản tốt bằng hệ thống quốc lộ, vận tải thủy ven biển. Kết nối giữa hệ thống giao thông của trung ương trên địa bàn với hệ thống giao thông địa phương cơ bản đảm bảo.

4.3. Hiện trạng cơ sở hạ tầng viễn thông

4.3.1. Bưu chính: Đến năm 2025, hạ tầng bưu chính tỉnh Ninh Bình phát triển đồng bộ hiện có 20 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát hoạt động với 751 điểm phục vụ bưu chính (trong đó, Bưu điện tỉnh Ninh Bình với 521 điểm phục vụ và 230 điểm phục vụ của các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát còn lại). Bán kính phục vụ là 1,55 km/điểm, số dân được phục vụ là 8.445 người/1 điểm phục vụ các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát (Bưu điện tỉnh, Chi nhánh Bưu chính Viettel Ninh Bình) tích cực tham gia chương trình chuyển đổi số, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Ninh Bình.

4.3.2. Viễn thông

Đến năm 2025, hạ tầng viễn thông tỉnh Ninh Bình được đầu tư, mở rộng, phát triển rộng khắp; 100% dân số được phủ sóng 3G/4G, trên 63% dân số được phủ sóng 5G; 100% thôn, tổ dân phố, bảo đảm kết nối Internet băng rộng và di động chất lượng cao, góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa đô thị và nông thôn. Các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh chuyển đổi sang hạ tầng số hiện đại, tạo nền tảng quan trọng cho xây dựng Chính quyền số, phát triển Kinh tế số và Xã hội số trên địa bàn tỉnh.

4.3.3. Công nghệ thông tin, chuyển đổi số

a) Về hạ tầng số: 100% cơ quan Đảng, tổ chức chính trị, chính quyền các cấp được kết nối Internet cáp quang tốc độ cao và Mạng truyền số liệu chuyên dùng. 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính và thiết bị làm việc thiết yếu; 100% cơ quan, đơn vị được cấp chứng thư số tổ chức và cá nhân phục vụ ký số văn bản điện tử. 100% xã, phường có tối thiểu 01 cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; không còn thôn, bản thiếu điện và sóng di động. Toàn tỉnh đã bố trí tối thiểu 02 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh cho mỗi xã/phường để nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin năm 2026.

b) Về dữ liệu và nền tảng số: Tỉnh đã xây dựng và đưa vào khai thác Cổng dữ liệu mở (open data portal - data.ninhbinh.gov.vn) từ năm 2022, đến nay công khai 12 lĩnh vực với hơn 1.500 bộ dữ liệu và ghi nhận 54.483 lượt truy cập. Kho dữ liệu dùng chung (data warehouse) đã hoàn thành giai đoạn 1 với các chức năng lõi. Hệ thống Kho quản lý dữ liệu điện tử đã cấp 95.247 tài khoản cho người dân, doanh nghiệp; tỷ lệ lưu kho đạt 91,26%; tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 96,67% - thuộc nhóm cao nhất toàn quốc.

c) Về dịch vụ công trực tuyến và thủ tục hành chính số: Tổng số thủ tục hành chính toàn tỉnh: 2.206 thủ tục hành chính (cấp tỉnh: 1.881; cấp xã: 325). Tổng số dịch vụ công trực tuyến: 2.107 dịch vụ công, đạt tỷ lệ 95,5%; trong đó dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 64,1% (1.415 dịch vụ công). Kết quả thực hiện quý I năm 2026: tỷ lệ hồ sơ thực hiện trực tuyến đạt 94,4%; tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 98,53%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 97,38%; tỷ lệ kết quả được số hóa hoặc trả

bằng văn bản điện tử đạt 93,62%. Tỉnh đã triển khai mô hình tiếp nhận thủ tục hành chính phi địa giới hành chính cấp tỉnh, đã chuyển 1.450 thủ tục hành chính lên Hệ thống tập trung của 06 Bộ.

d) Về xã hội số và nhân lực số: Toàn tỉnh có 4.654 Tổ Công nghệ số cộng đồng tại 4.525 thôn, bản, tổ dân phố thuộc 129 xã, phường (đạt 100% tiêu chí), với tổng số 36.139 thành viên - lực lượng nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở. Phong trào 'Bình dân học vụ số được triển khai mạnh mẽ; 100% xã, phường đã hoàn thành 92/92 tiêu chí chuyển đổi số cấp xã tính đến hết năm 2025.

đ) Về hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo: Toàn tỉnh có 40 tổ chức khoa học công nghệ (trong đó 09 tổ chức công lập), 21 doanh nghiệp khoa học công nghệ và 03 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động đa lĩnh vực. Khu Công nghệ cao Ninh Bình rộng 663,19 ha (thứ 5 cả nước) được thành lập theo Quyết định số 1541/QĐ-TTg ngày 10/12/2024. Tỉnh hiện có gần 4.000 đối tượng sở hữu công nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ, gồm 03 chỉ dẫn địa lý, 59 nhãn hiệu tập thể/chứng nhận, 37 bằng sáng chế và hơn 3.400 nhãn hiệu thông thường.

e) Về nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số và khoa học công nghệ: Năm 2026, tổng ngân sách bố trí cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 800,652 tỷ đồng (cấp tỉnh: 317,572 tỷ; cấp xã: 482,9 tỷ). Giai đoạn 2026-2030, tổng vốn đầu tư công đề xuất cho 23 nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số, khoa học công nghệ là 4.360,88 tỷ đồng; tổng ngân sách dự kiến cho các nhiệm vụ chuyển đổi số ước khoảng 4.000 tỷ đồng.

5. Hiện trạng hạ tầng xã hội

5.1. Hạ tầng thương mại

5.1.1. Hiện trạng

Giai đoạn 2021-2025, hạ tầng thương mại tỉnh Ninh Bình phát triển theo hướng hiện đại, với sự chuyển dịch từ thương mại truyền thống sang các mô hình trung tâm thương mại, siêu thị và cửa hàng tiện lợi. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (mới) có 385 chợ truyền thống (04 chợ hạng I, 24 chợ hạng II, 357 chợ hạng III); 24 siêu thị (03 siêu thị Hạng I, 08 siêu thị Hạng II, 13 siêu thị Hạng III); 06 trung tâm thương mại (01 TTTM hạng I; 05 TTTM hạng III) và hàng nghìn cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa cũng đang phát triển nhanh chóng, nguồn hàng ổn định, giá cả cạnh tranh, nằm ở những vị trí thuận lợi và tiện cho người tiêu dùng mua sắm hàng hóa. Mạng lưới hạ tầng thương mại ngày càng được mở rộng là điều kiện thuận lợi để hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển.

5.1.2. Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư

Hạ tầng thương mại được đầu tư từ ngân sách nhà nước, chương trình xây dựng nông thôn mới và nguồn xã hội hóa. Hệ thống chợ dân sinh tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được cải thiện, công tác vệ sinh, phòng cháy chữa cháy được tăng cường; 04 chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm theo TCVN 11856:2017. Nhờ cơ chế, chính sách thu hút đầu tư thông thoáng, nhiều dự án thương mại hiện đại được triển khai, từng bước hình thành hệ thống phân phối văn minh, hiện đại, nâng cao kết nối cung - cầu.

5.1.3. *Đánh giá chung về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng thương mại của địa phương*

Mạng lưới hạ tầng thương mại tỉnh phát triển theo quy hoạch, hạn chế đầu tư phát; nhiều chợ được nâng cấp, mở rộng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Một số chợ nông thôn chưa đồng bộ, cần tiếp tục chuẩn hóa. Thương mại hiện đại phát triển nhanh, mở rộng ra nông thôn, nâng cao chất lượng dịch vụ, thúc đẩy tiêu thụ nông sản sạch, sản phẩm OCOP và hàng hóa địa phương.

5.2. *Mạng lưới cơ sở Giáo dục - Đào tạo*

5.2.1. *Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục*

Đến hết năm 2025, tổng số trường mầm non, phổ thông: 1.582 trường (1.545 trường công lập, 37 trường ngoài công lập), cụ thể:

- Trường mầm non: 503 trường (485 trường công lập, 18 trường tư thục); - Trường Tiểu học: 488 trường (486 trường công lập, 02 trường tư thục).

- Trường Trung học cơ sở (THCS): 468 trường (467 trường công lập, 01 trường tư thục). - Trường Trung học phổ thông (THPT): 107 trường (93 trường công lập, 14 trường ngoài công lập).

- Trường phổ thông có nhiều cấp học: 16 trường (14 trường công lập; 02 trường tư thục); cụ thể:

- + Trường Tiểu học và THCS: 13 trường công lập. + Trường THCS và THPT: 02 trường (1 trường công lập; 1 trường tư thục).

- + Trường Tiểu học, THCS và THPT: 01 trường tư thục.

Cơ sở giáo dục thường xuyên: 23 trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) công lập (02 trung tâm GDTX; 01 trung tâm GDTX tin học và ngoại 3 ngữ; 18 trung tâm GDNN-GDTX; 01 trung tâm GDHN-GDTX; 01 Trung tâm GDTX-HN); 129 trung tâm học tập cộng đồng.

- Toàn tỉnh có 359 trung tâm, tổ chức được cấp phép thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh về lĩnh vực giáo dục thường xuyên (gồm: 243 Trung tâm Ngoại ngữ; 38 Trung tâm Giáo dục Kỹ năng sống; 78 tổ chức Tư vấn du học). Tổng số cơ sở giáo dục chuyên biệt và Trung tâm trên địa bàn tỉnh: 26 đơn vị, gồm 07 cơ sở giáo dục chuyên biệt (01 công lập, 06 tư thục) và 19 trung tâm (03 công lập; 16 tư thục).

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 64 cơ sở (16 trường cao đẳng, 11 trường trung cấp, 9 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 28 cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp) với quy mô tuyển sinh trên 63.000 người/năm.

5.2.2. *Cơ sở vật chất trường, lớp học*

Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 27.263 phòng học các cấp, tỷ lệ kiên cố đạt 99%. Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia: 96% (81% còn hạn). Cụ thể: Cấp mầm non: 93,4% (80% còn hạn), trong đó 45,1% đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (44% còn hạn); cấp tiểu học: 97,9% (82% còn hạn), trong đó 72% đạt

chuẩn quốc gia mức độ 2 (52% còn hạn); cấp THCS: 98,1% (82% còn hạn); cấp THPT: 91,6% (74% còn hạn); Phổ thông có nhiều cấp học: 67% (67% còn hạn).

- Giáo dục thường xuyên có tỷ lệ phòng học kiên cố là 98%. Đến hết năm 2025, đã có 1.487/1.543 trường công lập, đạt tỷ lệ 96,4%, cụ thể:

+ Mầm non có 456/485 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 94,0% (trong đó có 206 trường đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 42,5%).

+ Tiểu học 476/485 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 98,1% (trong đó trường đạt chuẩn mức độ 2 là 345 trường, tỷ lệ 71,2%).

+ THCS là 470/480 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 97,9% (trong đó trường đạt chuẩn mức độ 2 là 284 trường, đạt tỷ lệ 59,2%)

+ THPT là 85/93 trường, đạt tỷ lệ 91,4% (trong đó trường đạt chuẩn mức độ 2 là 29 trường, đạt tỷ lệ 31,4%).

- Về trang thiết bị dạy và học ở các trường mầm non, phổ thông đảm bảo ở mức tối thiểu. Trong giai đoạn 2021-2025, các địa phương, đơn vị đã tích cực chủ động tham mưu để bố trí kinh phí; huy động tổng hợp các nguồn lực mua sắm thiết bị dạy và học tiếng Anh, Tin học trong các trường phổ thông theo hướng chuẩn hóa, hiện đại. Tuy nhiên, số lượng phòng học bộ môn, nhà tập đa năng, diện tích đất tại một số cơ sở giáo dục còn thiếu so với quy định mới; việc chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo cho chương trình phổ thông 2018 gặp 4 nhiều khó khăn do trước thời điểm sáp nhập tỉnh, một số địa phương còn gặp khó khăn về nguồn kinh phí và quy trình thủ tục mua sắm”.

5.3. Mạng lưới cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe

Sau khi hợp nhất tỉnh, Sở Y tế tỉnh Ninh Bình hiện quản lý 56 cơ quan, đơn vị trực thuộc, trong đó có 03 cơ quan hành chính nhà nước (Cơ quan Sở Y tế với Ban Giám đốc và 08 phòng chức năng; Chi cục An toàn thực phẩm; Chi cục Dân số và Trẻ em)

Hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh công lập gồm: 24 bệnh viện đa khoa (03 bệnh viện tuyến tỉnh), 20 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, 09 trung tâm tuyến tỉnh (trong đó 04 trung tâm thực hiện bảo trợ xã hội, phục hồi chức năng tâm thần và chăm sóc đối tượng yếu thế). Ngành có 06 đơn vị hạng I, 19 hạng II, 25 hạng III và 03 không xếp hạng. Một số bệnh viện ngành: Bệnh viện Quân y 5 (Quân khu 3), Bệnh viện công an tỉnh và 02 bệnh viện Trung ương (Bạch Mai cơ sở 2, Việt Đức cơ sở 2) hoạt động từ tháng 12/2025 đã góp phần nâng cao năng lực chuyên sâu và giảm tải cho tuyến trên.

Hệ thống y tế ngoài công lập phát triển mạnh theo hướng xã hội hóa; đến nay, toàn tỉnh có 1.708 cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân, trong đó có 07 bệnh viện tư nhân (03 bệnh viện đa khoa, 04 bệnh viện chuyên khoa mắt), còn lại là các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và các loại hình theo quy định. Hệ thống này đã góp phần quan trọng trong việc giảm tải cho y tế công lập, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe của người dân. lập, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe của người dân.

Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, an sinh xã hội: Toàn tỉnh hiện có 04 cơ sở bảo trợ xã hội công lập và 01 cơ sở ngoài công lập quản lý, chăm sóc, hỗ trợ, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng cho đối tượng yếu thế; các cơ sở trợ giúp xã hội gửi theo Công văn số 3224/SNV-XDCQ ngày 13/4/2026 của Sở Nội vụ. Hội đã thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng, chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc y tế từng bước được nâng lên.

5.4. Hạ tầng Khoa học - Công nghệ

Đến năm 2025, tỉnh Ninh Bình có 41 tổ chức khoa học và công nghệ đang hoạt động, đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Trong đó có: Có 9 tổ chức khoa học và công nghệ công lập, 32 tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập cơ bản thực hiện tốt vai trò nòng cốt, tham gia nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, hỗ trợ kỹ thuật cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Các tổ chức KH-CN ngoài công lập chiếm tỷ trọng lớn, thể hiện chủ trương đúng đắn trong việc đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và xã hội tham gia nghiên cứu, đổi mới công nghệ. Các tổ chức KH-CN đã bước đầu tận dụng được thế mạnh của mình, các tổ chức KH-CN công lập từng bước bắt nhịp với xu thế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ từng bước gắn với yêu cầu thực tiễn, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, du lịch, công nghiệp chế biến và chuyển đổi số.

5.5. Hạ tầng lĩnh vực lao động, việc làm

Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn, giới thiệu và hỗ trợ việc làm công lập là Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh. Trung tâm có chức năng tổ chức thực hiện các dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm; cung ứng và tuyển dụng lao động theo nhu cầu của người sử dụng lao động; thu thập, cung cấp thông tin về thị trường lao động và thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp và thực hiện một số chương trình, dự án về việc làm trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học

6.1. Thực trạng môi trường

6.1.1. Môi trường đất

- Đất nông nghiệp: Quá trình đô thị hóa, đầu tư xây dựng mới mở rộng các khu, cụm công nghiệp đã làm thu hẹp diện tích đất nông nghiệp. Hoạt động sản xuất của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong và ngoài các khu, cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại và nước thải, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất nếu không được quản lý, xử lý đúng quy định.

- Đất ven biển: Môi trường đất tại các xã, phường ven biển chịu tác động tổng hợp của các yếu tố tự nhiên (bão, lũ, triều cường) và hoạt động của con người (sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải, du lịch,...). Tình trạng suy thoái đất ven biển diễn ra khá phổ biến, trong đó nổi bật là hiện tượng mặn hóa và phèn hóa đất.

6.1.2. Môi trường nước

a) Hiện trạng môi trường nước mặt:

Tỉnh Ninh Bình có tổng tiềm năng nguồn nước mặt khoảng 100-100,5 tỷ m³/năm, thuộc nhóm cao nhất vùng đồng bằng sông Hồng. Trong đó, nguồn nước quá cảnh từ các lưu vực sông lớn chiếm hơn 95% tổng lượng nước mặt, còn nguồn nội sinh chỉ chiếm khoảng 3-5%. Hệ thống sông ngòi có tổng chiều dài hơn 1.600 km, mật độ khoảng 1,0-1,3 km/km², với nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Ninh Cơ, sông Nhuệ, sông Châu Giang, sông Duy Tiên,... Các hồ chứa có tổng dung tích khoảng 60 triệu m³, đóng vai trò điều tiết, tưới tiêu và cấp nước sinh hoạt.

Tỉnh Ninh Bình có tổng tiềm năng nguồn nước mặt khoảng 100-100,5 tỷ m³/năm, thuộc nhóm cao nhất vùng đồng bằng sông Hồng. Trong đó, nguồn nước quá cảnh từ các lưu vực sông lớn chiếm hơn 95% tổng lượng nước mặt, còn nguồn nội sinh chỉ chiếm khoảng 3-5%. Hệ thống sông ngòi có tổng chiều dài hơn 1.600 km, mật độ khoảng 1,0-1,3 km/km², với nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Ninh Cơ, sông Nhuệ, sông Châu Giang, sông Duy Tiên,... Các hồ chứa có tổng dung tích khoảng 60 triệu m³, đóng vai trò điều tiết, tưới tiêu và cấp nước sinh hoạt.

Phân bố nước theo mùa không đồng đều: mùa mưa chiếm 70-80% tổng lượng nước năm, mùa khô thiếu hụt cục bộ. Chất lượng nước nhìn chung đáp ứng cho sản xuất và sinh hoạt, tuy nhiên một số sông (sông Nhuệ, sông Đáy) có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

Ước tính toàn tỉnh tổng lượng nước mặt là 100,5 tỷ m³/năm; Nguồn nội sinh là 3,25 tỷ m³/năm; Nguồn nước quá cảnh (từ lưu vực sông Hồng, Đáy, Ninh Cơ) là 97,25 tỷ m³/năm; Chiều dài sông suối là 1599,1 km; Mật độ sông suối là $\approx 1,0-1,3$ km/km²; Dung tích hồ chứa lớn là 59,5 triệu m³

b) Hiện trạng môi trường nước dưới đất:

Sau khi sáp nhập ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình thành tỉnh Ninh Bình, nguồn tài nguyên nước dưới đất của khu vực này trở thành một hệ thống liên vùng phong phú, đa dạng về cấu trúc địa chất, trữ lượng và chất lượng nước.

Tỉnh Ninh Bình mới nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng mở rộng, với cấu trúc địa chất gồm các lớp trầm tích bờ rời xen kẽ đá gốc nứt nẻ. Nước dưới đất tồn tại chủ yếu dưới hai dạng: nước lỗ hổng trong trầm tích bờ rời (Holocen, Pleistocen, Neogen) và nước khe nứt trong đá vôi karst thuộc hệ tầng Trias. Phân bố các tầng chứa nước thể hiện sự chuyển tiếp từ khu vực đồi núi phía Tây sang vùng đồng bằng ven biển phía Đông.

6.2. Thực trạng khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Hiện nay, toàn tỉnh có 191 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực do Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và UBND tỉnh cấp. Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp 29 giấy phép, gồm: 19 giấy phép khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng; 09 giấy phép khai thác đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng; 01 giấy phép khai thác đolômit; 01 giấy phép khai

thác nước khoáng; UBND tỉnh cấp 162 giấy phép, gồm: 106 giấy phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường; 22 giấy phép khai thác đất, đá làm vật liệu san lấp; 22 giấy phép khai thác đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch; 11 giấy phép khai thác cát làm vật liệu san lấp; 01 giấy phép khai thác than mỡ.

7. Thực trạng phát triển các khu chức năng

7.1. Hạ tầng Khu kinh tế

Khu kinh tế Ninh Cơ được thành lập theo Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ với diện tích là 13.950 ha; được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung tại Quyết định số 1771/QĐ-TTg; với diện tích lập quy hoạch là 13.950 ha; phạm vi nghiên cứu được mở rộng, bao gồm khoảng 16.000 ha mặt biển, với tổng diện tích nghiên cứu khoảng 29.950 ha. Khu Kinh tế Ninh Cơ có vị trí chiến lược trên trục giao thông kết nối Hải Phòng - Hưng Yên - Ninh Bình, gần cảng Hải Phòng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển cảng biển tổng hợp Ninh Cơ theo mô hình cảng vệ tinh, hỗ trợ luồng hàng hóa đi về phía Nam và hoạt động xuất nhập khẩu quốc tế.

Hiện nay, trong khu kinh tế đã hình thành các dự án trọng điểm gồm: (1) Dự án Nhà máy thép xanh số 1 Xuân Thiện Nam Định, vốn đầu tư 88.000 tỷ đồng, diện tích 284,97 ha; dự án đã hoàn thành các thủ tục và khởi công ngày 23/6/2025 và đang trong quá trình san lấp, dự kiến quý IV/2028 cho ra sản phẩm; (2) Dự án Nhà máy thép xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng, vốn đầu tư 10.000 tỷ đồng, diện tích 83,94 ha, dự án đã khởi công ngày 23/6/2025, đã hoàn thành san lấp, dự kiến quý IV/2027 cho ra sản phẩm; (3) Dự án Cảng thủy nội địa Nghĩa Hưng - giai đoạn 1 với diện tích 89,4 ha mặt đất và 142,1 ha mặt nước sông Đáy, tổng vốn đầu tư 3.401 tỷ đồng; (4) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp dệt may Rạng Đông với diện tích 503,38 ha, tổng vốn đầu tư 4.628 tỷ đồng (hiện nay trong khu công nghiệp đã có 07 dự án đầu tư với tỷ lệ lấp đầy 26%, tổng vốn đầu tư đăng ký là 482 triệu USD); (5) Dự án nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định 1 với diện tích 242,71 ha, tổng vốn đầu tư 2,07 tỷ USD.

7.2. Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao Hà Nam

7.2.1. Khu Đại học Nam Cao

- Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chuyên môn kỹ thuật trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; nâng cao chất lượng giáo dục đại học, giáo dục các cấp, đào tạo nghề và dạy nghề cho vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô Hà Nội; phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Quy mô đào tạo: Dự kiến đáp ứng khoảng 5.000 - 6.000 sinh viên.

7.2.2. Khu Công nghệ cao Hà Nam

- Mục tiêu: Phát triển các hoạt động công nghệ cao theo chính sách quốc gia và xu thế toàn cầu. Trong giai đoạn đầu, ưu tiên thu hút công nghệ cao thuộc các lĩnh vực: Trí tuệ nhân tạo (AI); Điện tử - Bán dẫn; Công nghệ sinh học và y dược; Công nghệ vật liệu mới.

- Diện tích: Khoảng 663 ha, nằm trên địa bàn các xã Trần Thương, Nhân Hà và Nam Lý.

- Định hướng phát triển:

+ Lĩnh vực, sản phẩm công nghệ cao được lựa chọn nằm trong Danh mục lĩnh vực công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao theo Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 30/12/2020.

+ Phù hợp với định hướng ưu tiên phát triển của tỉnh, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô.

+ Trong 10 năm đầu, Khu công nghệ cao sẽ tập trung thu hút các lĩnh vực theo định hướng đã nêu.

- Mô hình hoạt động: Khu công nghệ cao Hà Nam xây dựng theo nguyên tắc hệ sinh thái kết nối Khoa học & Công nghệ - Giáo dục & Đào tạo - Sản xuất, kinh doanh & dịch vụ, với 3 loại hình hoạt động chính là nghiên cứu và phát triển (R&D); đào tạo và ươm tạo; Sản xuất, kinh doanh và dịch vụ công nghệ cao.

7.3. Hiện trạng phát triển các khu công nghiệp

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (trên cơ sở sáp nhập 3 tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam) có 53 khu công nghiệp với tổng diện tích theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt là 14.995,76 ha, trong đó:

7.3.1. Các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động

- Có 20 khu công nghiệp đi vào hoạt động với tổng diện tích 4.881,06 ha, tổng vốn đầu tư đăng ký các dự án xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là 26.559 tỷ đồng; tỷ lệ lấp đầy đạt trên 80%. Hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp được đầu tư đồng bộ, đảm bảo hoạt động ổn định của các dự án đầu tư thứ cấp.

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong các KCN đang hoạt động: Năm 2025, doanh thu đạt khoảng 461.834 tỷ đồng tăng 33,06% so với cùng kỳ; Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 15,8 tỷ USD tăng 15,3% so với cùng kỳ; Nộp ngân sách đạt khoảng 22.000 tỷ đồng tăng 3,88% so với cùng kỳ. Số lao động làm việc trong các Khu Công nghiệp là khoảng 200.000 người, với thu nhập bình quân 8,0 triệu đồng/người/tháng.

7.3.2. Các khu công nghiệp đã thu hút được nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, đang thực hiện giải phóng mặt bằng và xây dựng kết cấu hạ tầng

Có 12 khu công nghiệp đã thu hút được nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, đang thực hiện giải phóng mặt bằng và xây dựng kết cấu hạ tầng với tổng diện tích 2.517,82 ha. Tổng vốn đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp trên đạt 29.700,023 tỷ đồng: Khu công nghiệp Trung Thành; Khu công nghiệp Hồng Tiến; Khu công nghiệp Hải Long (giai đoạn 1); Khu công nghiệp Xuân Kiên (giai đoạn 1); Khu công nghiệp Minh Châu (giai đoạn 1); Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Phú Long; Khu công nghiệp Tam Điệp II; Khu công nghiệp Đồng Văn V; Khu công nghiệp Đồng Văn VI; Khu công nghiệp Thanh Bình II; Khu công nghiệp Châu Giang II; Khu công nghiệp Kim Bảng IV.

7.3.3. Các khu công nghiệp đã phê duyệt quy hoạch, chưa thành lập

Có 3 khu công nghiệp đã phê duyệt quy hoạch, đang thu hút nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp với tổng diện tích 671,73 ha,

cụ thể: Khu công nghiệp Nam Hồng (giai đoạn 1); Khu công nghiệp Lạc Xuân (giai đoạn 1); Khu công nghiệp Kim Bảng II.

7.3.4. Các khu công nghiệp có trong kỳ quy hoạch, đang lập quy hoạch

Có 12 khu công nghiệp đã đang tổ chức lập, thẩm định quy hoạch phân khu với tổng diện tích 7.889,6ha, cụ thể: Khu công nghiệp Thịnh Tân; Khu công nghiệp Thượng Thành; Khu công nghiệp Thắng Lợi; Khu công nghiệp Yên Bình; Khu công nghiệp Kim Sơn; Khu công nghiệp Bình Lục; Khu công nghiệp Thái Hà III; Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Gián Khẩu II; Khu công nghiệp Thanh Bình I; Khu công nghiệp Châu Giang I, Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Yên Mô.

7.3.5. Các khu công nghiệp có trong Quy hoạch tỉnh, chưa lập quy hoạch

Có 50 khu công nghiệp có trong quy hoạch tỉnh, chưa lập quy hoạch (diện tích quy hoạch 33.770,9ha).

7.4. Hiện trạng phát triển các cụm công nghiệp

Tỉnh Ninh Bình quy hoạch 114 Cụm công nghiệp với tổng diện tích 6.557 ha, trong đó có 60 Cụm công nghiệp đã được thành lập/mở rộng với tổng diện tích 3.093,3 ha (bao gồm 25 Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 1.126,5 ha; 09 Cụm công nghiệp đang đầu tư xây dựng hạ tầng với tổng diện tích 418,24ha; 12 Cụm công nghiệp đang thực hiện thủ tục giải phóng mặt bằng với tổng diện tích 722,87 ha; 14 Cụm công nghiệp đang triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy, đấu nối giao thông,... với tổng diện tích 825,6404 ha. Các Cụm công nghiệp đi vào hoạt động đã thu hút được 666 dự án thứ cấp (trong đó: 392 dự án của doanh nghiệp và 274 dự án của hộ gia đình/hộ sản xuất) với diện tích thuê đất 585,5 ha; tỷ lệ lấp đầy đạt 65%-100%.

7.5. Hiện trạng Khu du lịch

Toàn tỉnh hiện có hơn 70 khu du lịch, điểm du lịch hấp dẫn, có quy mô quốc gia và quốc tế, như: Tam Cốc, Bái Đính, Tam Chúc, Cố đô Hoa Lư, Phủ Dầy, Đền Trần, chùa Phổ Minh, chùa Cổ Lễ, đền Trần Thương, Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long; Vườn quốc gia Cúc Phương; Vườn quốc gia Xuân Thủy; Khu du lịch biển Thịnh Long... Đặc biệt, Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới và “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ” được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại... Nhiều khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ được đầu tư ngay trong thời điểm dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp đã trở thành những sản phẩm, điểm đến du lịch mới hấp dẫn, thu hút, kéo dài thời gian lưu trú của khách tại Ninh Bình như đảo Khê Cốc, phố cổ Hoa Lư, tuyến 4 khu du lịch Tràng An, động Am Tiên...

Cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch được đầu tư đồng bộ. Toàn tỉnh hiện có 1.500 cơ sở lưu trú du lịch, với gần 20.000 phòng nghỉ, trong đó có 03 khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao, 05 khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 sao, 48 khách sạn từ 1-3 sao và nhiều cơ sở lưu trú đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật tương đương 4-5 sao. Các sản phẩm mới được đưa vào hoạt động trong vài năm trở lại đây, như cơ sở lưu trú du lịch cao cấp: khách sạn Legend, Melia Vinpearl Phủ Lý, Mường Thanh

Luxury Hà Nam, khách sạn The Reed, Emerald resort, khách sạn Hoàng Sơn, Nam Cường, Vedana Resort,...

Trong thời gian tới, các dự án lớn tiếp tục được hoàn thiện và đưa vào hoạt động như khu nghỉ dưỡng Kênh Gà - Vân Trình, mở rộng các tuyến du lịch, khai thác các tuyến mới trong khu du lịch Tràng An, tuyến du lịch con đường di sản Tràng An-Vân Long- Tam Chúc, các khu vực phát triển du lịch cộng đồng tại Ninh Hải, Gia Viễn, Cúc Phương, Xuân Thủy, Hải Thịnh...; đổi mới mô hình quản lý khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long; xây dựng các không gian trưng bày giới thiệu về giá trị văn hóa, lịch sử kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt, không gian trưng bày giới thiệu di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An, không gian trưng bày về nghề truyền thống thêu ren Văn Lâm; xây dựng tổ hợp Bảo tàng, thư viện tỉnh Ninh Bình...

Các doanh nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện. Nhiều dự án lớn được triển khai và phát huy hiệu quả như: Dự án hạ tầng khu du lịch sinh thái Tràng An; Tổ hợp du lịch tâm linh Tam Chúc - lớn nhất Đông Nam Á; Công viên động vật hoang dã Quốc gia; các khu nghỉ dưỡng cao cấp như Emerald, Vedana, Mường Thanh Luxury Hà Nam, Melia Vinpearl Phủ Lý, Legend Valley, tổ hợp giải trí Sun World Hà Nam với công viên nước Hà Nam Water Park và chương trình nhạc nước Sun Urban City...

Các sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, được hình thành trên cơ sở khai thác hợp lý tiềm năng, lợi thế của địa phương, gồm: du lịch di sản, văn hoá lịch sử, tâm linh; du lịch tham quan thắng cảnh thiên nhiên; du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng; du lịch giải trí, sáng tạo; và du lịch chuyên đề. Nhiều điểm đến nổi bật như Cố đô Hoa Lư, Phủ Dầy, Đền Trần, Chợ Viềng, Chùa Tam Chúc, Chùa Bái Đính, Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, Vườn chim Thung Nham, Hang Múa, Động Am Tiên, cùng các sân golf Tràng An, Hoàng Gia, Kim Bảng... Chuỗi lễ hội đặc sắc như Lễ hội Hoa Lư, Lễ hội Đền Trần, Lễ hội Phủ Dầy, lễ hội Đền Thánh Nguyễn, Lễ hội Chùa Bái Đính, Lễ hội Tịch Điền, Lễ hội Tràng An, Lễ hội Đền Trần Thương, Lễ hội vật võ Liễu Đôi, Lễ hội Lảnh Giang, Lễ hội xuân Tam Chúc... các khu, điểm tham quan hấp dẫn: khu du lịch sinh thái Tràng An, chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc, vườn chim Thung Nham, hang Múa, sân golf Tràng An, sân golf Hoàng Gia, sân golf Legend Valley, động Am Tiên, Phố cổ Hoa Lư...; các tour du lịch tham quan chùa Bái Đính về đêm, phố cổ Hoa Lư, tour đi bộ tham quan di sản Tràng An; lễ hội Hoa Lư, lễ hội Đền Trần, lễ hội Tràng An, lễ hội chùa Bái Đính,... đã tạo nên bức tranh du lịch đặc sắc, đậm đà bản sắc vùng đồng bằng sông Hồng.

Du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và du lịch trải nghiệm văn hoá, làng nghề phát triển mạnh tại các địa bàn Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan, Kim Sơn, Hải Hậu, Giao Thủy. Hoạt động này không chỉ mang lại sinh kế bền vững cho người dân mà còn góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, hình thành nhiều mô hình “làng nghề du lịch”, “làng nghề sáng tạo” gắn với chương trình OCOP.

Trong thời gian qua, tỉnh đã quan tâm huy động và tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch, ưu tiên triển khai các công trình, dự án du

lịch trọng điểm nhằm tạo động lực dẫn dắt, mở rộng không gian phát triển và thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Qua đó, từng bước hình thành và nâng cao chất lượng hệ thống điểm du lịch, cơ sở lưu trú, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí, mua sắm, thể thao và các dịch vụ phục vụ khách du lịch. Nhiều dự án, công trình du lịch quy mô lớn, với tổng mức đầu tư hàng nghìn tỷ đồng, đã được triển khai từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện diện mạo hạ tầng du lịch của tỉnh.

8. Các yếu tố, điều kiện quốc gia và vùng tác động đến phát triển tỉnh

8.1. Các yếu tố, điều kiện của vùng

- Vùng đồng bằng sông Hồng và các địa phương lân cận mang đến cả cơ hội và thách thức cho phát triển kinh tế - xã hội của Ninh Bình sau sáp nhập.

- Hệ thống giao thông nội vùng và liên vùng thuận lợi: Ninh Bình là đầu mối của các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A, 10, 12, đường cao tốc Bắc - Nam, đường bộ ven biển, tạo tiền đề phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ, hình thành vùng phát triển động lực cho Duyên hải Bắc Bộ. Tỉnh có vị trí cửa ngõ với dải ven biển, thuận lợi phát triển công nghiệp đóng tàu, chế biến thủy - hải sản, nông sản, đồng thời là trung tâm văn hóa - giáo dục - đào tạo, dịch vụ đô thị và du lịch quốc gia.

- Sự phát triển năng động của các địa phương lân cận cũng tạo động lực cạnh tranh, thúc đẩy sự phát triển của tỉnh.

8.2. Bối cảnh trong nước

8.2.1. Tác động của sắp xếp đơn vị hành chính đến hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện chất lượng dịch vụ công

Việc sắp xếp các đơn vị hành chính nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm ngân sách và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công. Thông qua việc tinh giản đầu mối, tập trung nguồn lực tài chính và nhân lực, bộ máy hành chính có điều kiện nâng cao năng suất làm việc và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, quá trình sáp nhập cũng đặt ra một số thách thức, như gia tăng áp lực quản lý do mở rộng địa bàn và quy mô dân số, cũng như sự khác biệt về điều kiện phát triển, văn hóa, phong tục giữa các địa phương, đòi hỏi có sự điều chỉnh phù hợp về tổ chức và phương thức quản lý.

8.2.2. Đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số

Việt Nam đang chủ động chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng số hóa, xanh và kinh tế tuần hoàn, đồng thời cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Chính phủ triển khai Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, hướng tới xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến năm 2030.

Định hướng này tạo động lực dịch chuyển nguồn lực (vốn, đất đai, lao động, kỹ năng, sáng tạo) từ các khu vực có giá trị thấp sang các lĩnh vực năng suất cao hơn. Bối cảnh này và các chính sách quốc gia tạo thuận lợi cho tỉnh Ninh Bình khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong giai đoạn quy hoạch tới.

8.2.3. Các chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý, điều hành của trung ương tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Ninh Bình

Đảng và Nhà nước đã triển khai đồng bộ nhiều chủ trương, quyết sách quan trọng, các nghị quyết chiến lược đưa đất nước vững bước tiến mạnh vào kỷ nguyên phát triển mới gồm: Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW về đẩy mạnh hội nhập quốc tế; Nghị quyết 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá giáo dục và đào tạo; Nghị quyết 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Nghị quyết 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết 80-NQ/TW về Phát triển văn hóa.

Việc Bộ Chính trị ban hành đồng bộ các nghị quyết chiến lược trong giai đoạn mới thể hiện tư duy đổi mới mạnh mẽ, mang tính dẫn dắt, mở rộng không gian phát triển, nâng cao vị thế quốc gia, chủ động trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cách mạng công nghiệp. Các nghị quyết ra đời kịp thời, tập trung vào những lĩnh vực then chốt, nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, nguồn lực và mô hình tăng trưởng, đồng thời tạo lập các động lực phát triển mới. Đây là bước hoàn thiện quan trọng về định hướng chiến lược, tạo nền tảng vững chắc để đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển cao hơn.

9. Phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức

9.1. Điểm mạnh, lợi thế

- Là “cửa ngõ” phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, kết nối, chuyển tiếp giữa ba vùng kinh tế lớn của đất nước; Nằm trên trục giao thông đường bộ, đường sắt huyết mạch Bắc - Nam, là cửa ngõ phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, kết nối, chuyển tiếp giữa ba vùng kinh tế lớn của đất nước.

- Hội tụ đủ không gian phát triển, bao gồm không gian di sản văn hóa, thiên nhiên; không gian trung du, miền núi, đồng bằng; không gian biển là lợi thế cho phát triển toàn diện kinh tế - xã hội.

- Nền kinh tế có trình độ phát triển cao, tốc độ tăng trưởng cao.

- Có nguồn nhân lực dồi dào, có bản sắc văn hóa “đậm đặc”, với truyền thống chăm chỉ, cần cù, sáng tạo, tạo sức mạnh cộng hưởng lớn cho phát triển.

9.2. Cơ hội

- Trở thành trung tâm dịch vụ và logistics: Với vị trí chiến lược nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch Bắc – Nam, trong tương lai có cảng hàng không và cảng biển nước sâu cho phép Ninh Bình trở thành trung tâm dịch vụ và hậu cần của khu vực.

- Trở thành trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) đẳng cấp thế giới: Với sự phát triển Khu Công nghệ cao Hà Nam, Khu Đại học Nam, Ninh Bình có thể tự

định vị thành một trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, cung cấp các kết nối giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp, thu hút các tập đoàn đa quốc tế đến thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng cùng với sự phát triển Khu Công nghệ cao Hà Nam, Khu Đại học Nam Cao tạo thuận lợi để tỉnh đổi mới mô hình tăng trưởng, trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch và đổi mới sáng tạo của vùng, quốc gia.

- Tầng lớp trung lưu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tăng nhanh cùng với nhu cầu ngày càng cao dân cư sinh sống tại Hà Nội tạo ra nhu cầu lớn đối với dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, đô thị, sản phẩm nông nghiệp sạch.

- Xu hướng dịch chuyển đầu tư và tái cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu tạo cơ hội thu hút FDI chất lượng cao.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối quốc gia, quốc tế đang được đầu tư tạo thuận lợi thu hút du khách quốc tế, nâng cao năng lực logistics, kết nối thương mại và thu hút đầu tư quy mô lớn.

9.3. Thách thức

- Thách thức về bố trí không gian phát triển. Ninh Bình có diện tích không lớn, trong khi nhu cầu phát triển đô thị, công nghiệp và hạ tầng ngày càng tăng.

- Năng lực, khả năng liên kết chuỗi giá trị ngành và khả năng thích ứng của chuỗi cung ứng chưa cao, kém hấp dẫn hơn đối với các công ty đa quốc gia.

- Giá trị di sản văn hóa, thiên nhiên chưa được chuyển hóa mạnh thành nguồn lực phát triển kinh tế, chưa hình thành chuỗi sản phẩm du lịch - văn hóa - dịch vụ có sức lan tỏa vùng, quốc gia, quốc tế.

- Chuyển dịch cơ cấu nội ngành vẫn còn chậm, thiếu sự bứt phá theo hướng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, kinh tế số và kinh tế xanh. Liên kết giữa các ngành, giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn yếu, công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển làm hạn chế tham gia vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng.

- Thách thức về môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng và thích ứng biến đổi khí hậu, nhất là ô nhiễm môi trường nước tại hệ thống sông nội tỉnh đang tiếp tục gia tăng.

- Đầu tư hạ tầng Khu Công nghệ cao Hà Nam, Khu Đại học Nam Cao còn chậm là thách thức của tỉnh trong nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái phát triển nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu doanh nghiệp.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA TỈNH NINH BÌNH SO VỚI TIÊU CHUẨN CỦA THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI I

1. Đánh giá thực trạng của tỉnh so với tiêu chuẩn, tiêu chí đô thị loại I, quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15:

Theo quy định tại Nghị quyết việc đánh giá đô thị loại I được phân loại thành 03 nhóm tiêu chí với 15 tiêu chuẩn đánh giá, cụ thể:

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15)	Thực trạng của tỉnh (giai đoạn 2020-2025)	Đánh giá	Mục tiêu 2025-2030 (theo Văn kiện Đại hội)
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế xã hội (theo quy định phải đạt tối thiểu 4/6 tiêu chí, hiện đã đạt 5/6 tiêu chí)			
1	Đã triển khai đầu tư, xây dựng một trong các khu chức năng hoặc thuộc khu chức năng vai trò cấp quốc gia, quốc tế	- Khu chức năng: Quần thể danh thắng Tràng An (Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới); Quần thể danh thắng Tam Chúc (Di tích quốc gia đặc biệt); Khu Ramsar Xuân Thủy (Vườn Quốc gia khu vực lõi Khu dự trữ - sinh quyển thế giới); Khu Đại học Nam Cao - Thuộc khu chức năng cấp quốc gia/quốc tế: Khu Ramsar Xuân Thủy (thuộc khu vực lõi Khu dự trữ sinh quyển thế giới)	Đạt	Tiếp tục phát triển (Khu công nghệ cao Hà Nam, Khu kinh tế Ninh Cơ).
2	Là trung tâm tổ chức ≥ 3 sự kiện quốc tế cấp khu vực trở lên bình quân 3 năm gần nhất	Đã tổ chức: Hội nghị quốc tế "Phát huy giá trị các danh hiệu UNESCO phục vụ phát triển bền vững tại Việt Nam"; AFC Champions League Two (Cúp C2 Châu Á) tại tỉnh Nam Định (cũ); Giải Triathlon Cup thế giới tại tỉnh Hà Nam (cũ) năm 2025; Hội nghị hữu cơ Châu Á lần thứ 8 (Từ ngày 17 đến 19/09/2025 tại tỉnh Ninh Bình); Tuần lễ số Quốc tế Việt Nam 2025 (Từ ngày 27 đến 29/10/2025 tại tỉnh Ninh Bình và thành phố Hà Nội); Liên hoan quốc tế Sân khấu thử nghiệm lần thứ VI năm 2025 (Từ ngày 15 đến 30/11/2025 tại tỉnh Ninh Bình)	Đạt	
3	Thu nhập bình quân đầu người/năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người/năm của cả nước trong 3 năm gần nhất	- Đối với tỉnh: Năm 2023 là 64,3 triệu đồng/người/năm; Năm 2024 là 70,1 triệu đồng/người/năm; Ước năm 2025 là 79 triệu đồng/người/năm. - Đối với cả nước: Năm 2023 là 59,5 triệu đồng/người/năm; Năm 2024 là 64,9 triệu đồng/người/năm; Ước năm 2025 là 70,8 triệu đồng/người/năm.	Đạt	
4	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trong 3 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	- Đối với tỉnh: Năm 2023 là 5,98%; Năm 2024 là 9,49%; Năm 2025 là 10,65%. - Đối với cả nước: Năm 2023 là 4,98%; Năm 2024 là 7,04%; Năm 2025 là 8,02%.	Đạt	Đạt tối thiểu 11%/năm. Mục tiêu: Nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15)	Thực trạng của tỉnh (giai đoạn 2020-2025)	Đánh giá	Mục tiêu 2025-2030 (theo Văn kiện Đại hội)
5	Thu hút đầu tư trong nước hoặc đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Đang thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu trong cả nước	Đạt	
6	Thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương	Năm 2025 tỉnh Ninh Bình (mới) là tỉnh nhận trợ cấp của Ngân sách trung ương (cụ thể nhận bổ sung cân đối trên 20% so với tổng chi cân đối địa phương)	Chưa đạt	Phấn đấu đến giữa nhiệm kỳ 2025-2030 bảo đảm tự chủ ngân sách
II	Tiêu chí mức độ đô thị hóa (quy định phải đạt tối thiểu là 2/4 tiêu chí, hiện cơ bản đạt 2/4 tiêu chí)			
1	Quy mô dân số ≥ 2.500 nghìn người	Quy mô dân số khoảng 4,412.264 người	Đạt	
2	Tổng dân số đô thị từ loại II ≥ 600.000 người	Tổng dân số các khu vực đô thị trung tâm cũ (Hoa Lư, Phủ Lý, Nam Định) là trên 700.000 người	Đạt	
3	Có 50% số phường trở lên trên tổng số phường đạt trình độ PTĐT loại II	Có 1/32 phường hiện hữu	Chưa đạt	
4	Tỷ lệ đô thị hoá đạt từ 45%.	Đạt 36% (năm 2025)	Chưa đạt	Đạt 60,1%

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15)	Thực trạng của tỉnh (giai đoạn 2020-2025)	Đánh giá	Mục tiêu 2025-2030 (theo Văn kiện Đại hội)
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị (quy định phải đạt tối thiểu 4/5 tiêu chí, hiện đã đạt 4/5 tiêu chí)			
1	Có ≥ 02 đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế, của ngõ chính, trung tâm kết nối vùng	Trục cao tốc Bắc - Nam (CT.01) với nút giao Liêm Tuyền, Cao Bồ (cửa ngõ kết nối vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng với các tỉnh Bắc Trung Bộ); Ga Ninh Bình (Ga hạng I - quy hoạch 15 ga đường sắt đầu mối, liên vận quốc tế đến năm 2030); Ga Nam Định (ga hạng I - một trong những nhà ga lớn nhất và quan trọng nhất trên trục Bắc – Nam; ICD Tân Cảng - Hà Nam (Đồng Văn) (Thông quan quốc tế tại nội địa); ICD Phúc Lộc - KCN Khánh Phú (Thông quan quốc tế tại nội địa).	Đạt	<i>Dự kiến: Các ga đường sắt tốc độ cao; Cảng hàng không quốc tế; Cảng nước sâu</i>
2	Có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đô thị loại II	Đã có các tuyến vận tải hành khách công cộng đến 100% các đô thị loại II hiện trạng (Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý, Tam Điệp): Phủ Lý có 01 tuyến vận tải hành khách công cộng nội tỉnh, 03 tuyến vận tải hành khách công cộng liên tỉnh; Hoa Lư có 11 tuyến vận tải hành khách công cộng nội tỉnh; Nam Định có 11 tuyến vận tải hành khách công cộng nội tỉnh; Tam Điệp có 01 tuyến vận tải hành khách công cộng nội tỉnh.	Đạt	
3	Có ≥ 05 công trình trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị đã được đầu tư xây dựng đạt giải quốc gia, quốc tế	Công trình: Nhà hàng tre Vedana: Đạt giải giải nhất hạng mục "Công trình nghỉ dưỡng của năm" tại [Dezeen Awards 2021] (Anh Quốc), Giải Grand Prize - Yuanze Awards lần thứ 11; Sun Urban City Hà Nam: Đạt Giải vàng cho quy hoạch tổng thể tại Giải Quy hoạch đô thị quốc gia lần thứ IV (VUPA 2024): Dự án của năm 2024 (Project of the Year) tại Dot Property Vietnam Awards 2024; Dự án Flamingo Golden Hill (Hà Nam) - Giải Dự án Khu đô thị xuất sắc hàng đầu Châu Á (tháng 6/2023) - lễ trao giải Real Estate Asia Awards 2023; Công trình nhà thờ gia tiên – nhà sinh hoạt tại Lạ Ngạn, Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định - KTS Nguyễn Giang: Giải nhì Triển lãm mỹ thuật ứng dụng toàn quốc lần thứ 4 (2014-2019) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du	Đạt	

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15)	Thực trạng của tỉnh (giai đoạn 2020-2025)	Đánh giá	Mục tiêu 2025-2030 (theo Văn kiện Đại hội)
		lich tổ chức; Công trình Không gian S (S Space) của đơn vị thiết kế H&P Architects - Giải nhất ở hạng mục The Social Space, giải INDE Award - Giải thưởng tôn vinh những tác phẩm đáng kinh ngạc của các Kiến trúc sư và Nhà thiết kế ở Indo-Pacific (khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương); FuturArc Green Leadership Award (FGLA) 2019 (Giải thưởng cho kiến trúc xanh xuất sắc); Khu sản xuất may xuất khẩu Sông Hồng (Nam Định) đạt Giải Ba - Giải thưởng Kiến trúc Công nghiệp Việt Nam 2024; Công viên nước Sun World Hà Nam (phường Hà Nam, tỉnh Ninh Bình) - Giải Leading Edge Award - dự án dẫn đầu về thiết kế và sáng tạo chủ đề - Lễ trao giải World Waterpark Award do Hiệp hội công viên nước thế giới (World Waterpark Association - WWA) tổ chức		
4	Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo giai đoạn gần nhất đã được cấp có thẩm quyền công nhận	Đã đạt giai đoạn 2021-2025, cụ thể: Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Nam Định (cũ) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019 theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 18/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Tỉnh Hà Nam (cũ) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 theo Quyết định số 2268/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Tỉnh Ninh Bình (cũ) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024 theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 31/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Đạt	
5	Phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn sau: Đô thị thông minh mức độ 1 hoặc 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu thích ứng với BĐKH đạt mức khá trở lên	- Đang xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh. - Đang triển khai đánh giá năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên (50% số lượng đô thị loại II, loại III)	Chưa đạt	Mục tiêu: "phát triển đô thị xanh, bền vững" , "đô thị thông minh" , "thích ứng với biến đổi khí hậu"

Theo điểm a khoản 3 Điều 9 quy định đô thị loại I phải đạt 12/15 theo quy định. Tỉnh Ninh Bình có thể áp dụng tiêu chuẩn đặc thù quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 phải có tối thiểu là 10 tiêu chuẩn đạt, trong đó:

- Nhóm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt tối thiểu là 04/06 tiêu chuẩn;
- Nhóm tiêu chí mức độ đô thị hóa đạt tối thiểu là 02/04 tiêu chuẩn;
- Nhóm tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt tối thiểu là 04/05 tiêu chuẩn).

Qua đánh giá sơ bộ tỉnh Ninh Bình cơ bản đạt 3/3 tiêu chí, trong đó đạt 11/15 tiêu chuẩn. Như vậy tính đến thời điểm hiện tại, tỉnh Ninh Bình chưa đạt tiêu chí đô thị loại I. Để được công nhận đô thị loại I, còn một số tiêu chuẩn cần tiếp tục hoàn thiện, duy trì và nâng cao, đồng thời rà soát phân loại đô thị đối với các đô thị loại II trực thuộc tỉnh đáp ứng quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

Ngoài ra, tiếp tục phân đầu để đạt thêm các tiêu chuẩn chưa đạt để nâng cao, củng cố mức đạt các tiêu chí, cụ thể:

1.1. Tiêu chuẩn: Thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương

- Hiện trạng: Năm 2025 vẫn nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương (nhận bổ sung cân đối trên 20% so với tổng chi cân đối địa phương).
- Định hướng: Tập trung các giải pháp thu hút đầu tư để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, đảm bảo tự chủ ngân sách từ năm 2028.

1.2. Tiêu chuẩn: Tỷ lệ đô thị hóa từ 45%

- Hiện trạng: Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 36% (năm 2025).
- Định hướng: Mục tiêu năm 2028 đạt tỷ lệ đô thị hóa 45%.

1.3. Tiêu chuẩn: Có 50% số phường trở lên trên tổng số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II

- Hiện trạng: 1/32 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II

(Theo Quyết định 373/QĐ-UBND ngày 07/2/2026 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình)

- Định hướng: Giai đoạn 2026 - 2027 nâng tỷ lệ đạt trình độ phát triển đô thị phường thuộc đô thị loại II theo quy định phải tương ứng tối thiểu 50% số phường trên địa bàn tỉnh *(theo mục tiêu thành lập mới các phường đảm bảo tiêu chuẩn 30% đơn vị hành chính là phường/tổng số đơn vị hành chính tối thiểu khoảng 39 phường)*.

1.4. Tiêu chuẩn về phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn sau: đô thị thông minh mức độ 1 hoặc 50% số lượng đô thị loại II, loại III có

năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên.

- Hiện trạng: Tỉnh đang xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh; tổ chức đánh giá khả năng thích ứng biến đổi khí hậu.

- Định hướng: Tiếp tục xây dựng đô thị thông minh; đánh giá, xây dựng phương án đảm bảo năng lực chống chịu thích ứng biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên đối với đô thị loại II, loại III.

2. Đánh giá thực trạng của tỉnh so với tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15:

TT	Tiêu chuẩn (theo Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15)	Thực trạng của tỉnh (giai đoạn 2020-2025)	Đánh giá	Mục tiêu 2025-2030 (theo Văn kiện Đại hội)
1	Quy mô dân số từ 2.500.000 người trở lên	4.412.264 người	Đạt	
2	Diện tích tự nhiên từ 2.500 km ² trở lên	3.942,62 km ²	Đạt	
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng của cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển KTXH của vùng hoặc cả nước		Cơ bản đạt	
4	Tỷ lệ đô thị hóa từ 45% trở lên	Đạt 36%	Cơ bản đạt (áp dụng yếu tố đặc thù)	60,1%
5	Tỷ lệ số phường/tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 30% trở lên	$(32/129)*100\%=25\%$	Chưa đạt	
6	Đã được công nhận là đô thị loại I		Chưa đạt	
7	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội			Chưa đạt
7.1	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng	81,44%	Đạt	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng

TT	Tiêu chuẩn (theo Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15)	Thực trạng của tỉnh (giai đoạn 2020-2025)	Đánh giá	Mục tiêu 2025-2030 (theo Văn kiện Đại hội)
	sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt từ 80% trở lên			và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 86%.
7.2	Thu nhập bình quân đầu người/năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người/năm của cả nước trong 3 năm gần nhất	- Đối với tỉnh: + Năm 2023 là 64,3 triệu ; + Năm 2024 là 70,1 triệu; + Ước năm 2025 là 79 triệu đồng/người/năm. - Đối với cả nước: + Năm 2023 là 59,5 triệu; + Năm 2024 là 64,9 triệu; + Ước năm 2025 là 70,8 triệu	Đạt	Mục tiêu: "nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước"
7.3	Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng trưởng sản phẩm trong nước (GDP)	- Đối với tỉnh: + Năm 2023 là 5,98%; + Năm 2024 là 9,49%; + Năm 2025 là 10,65%. - Đối với cả nước: + Năm 2023 là 4,98%; + Năm 2024 là 7,04%; + Năm 2025 là 8,02%.	Đạt	Đạt tối thiểu 11%/năm. Mục tiêu: "nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước"
7.4	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của cả nước trong 03 năm gần nhất	Năm 2025: Đạt 1,13% (thấp hơn bình quân cả nước 0,17%)	Đạt	Đến hết năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1,0% theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026- 2030
7.5	Cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương	Năm 2025 tỉnh Ninh Bình (mới) là tỉnh nhận trợ cấp của Ngân sách Trung ương (cụ thể nhận bổ sung cân đối trên 20% so với tổng chi cân đối địa phương)	Chưa đạt	Phấn đấu đến giữa nhiệm kỳ 2025-2030 bảo đảm tự chủ ngân sách

Đôi chiếu với quy định trên, tỉnh Ninh Bình hiện nay có 2 tiêu chuẩn đã đạt (Quy mô dân số, Diện tích tự nhiên); 2 tiêu chí cơ bản đạt (vị trí chức năng, tỷ lệ đô thị hóa); 3 tiêu chí chưa đạt (Tỷ lệ số phường/tổng số đơn vị hành chính cấp xã; Công nhận đô thị loại I; Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội). Chi tiết các tiêu chí cơ bản đạt và chưa đạt, như sau:

2.1. Vị trí, chức năng: (Cơ bản đạt)

- Theo yêu cầu được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước.

- Theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được phê duyệt tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh), Ninh Bình được xác định: Là cực tăng trưởng mới của vùng Đồng bằng sông Hồng; Trung tâm du lịch, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản cấp quốc gia và quốc tế; Trung tâm công nghiệp công nghệ cao liên vùng; Thu nhập bình quân đầu người tăng; Đô thị phát triển theo mô hình đô thị di sản thiên nhiên kỷ, đô thị sáng tạo; Có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối vùng và quốc tế; Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các nội dung quy hoạch, bảo đảm phù hợp đầy đủ tiêu chí theo quy định. Mục tiêu năm 2028 đáp ứng định hướng tiêu chuẩn theo quy định.

- Theo dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Xây dựng lấy ý kiến trước khi phê duyệt, tỉnh Ninh Bình được xác định là một trong các đô thị loại I dự kiến đến năm 2030, có vai trò, chức năng là trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp.

Như vậy tiêu chuẩn này cơ bản đạt, cần tiếp tục cập nhật các căn cứ quy hoạch được phê duyệt để đảm bảo theo quy định.

2.2. Tỷ lệ đô thị hóa: (Cơ bản đạt)

Theo quy định chung, tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 45% trở lên.

Tuy nhiên theo Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 quy định: *Thành phố có một trong các yếu tố đặc thù sau đây thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này, mức tối thiểu của tiêu chuẩn tỷ lệ đô thị hóa bằng 70% mức quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị quyết này; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này: a) Có di sản văn hóa vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) công nhận; b) Được xác định là trung tâm du lịch quốc tế trong quy hoạch, định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

Tỉnh Ninh Bình có Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới vào năm 2014, theo đó, tỷ lệ đô

thị hóa theo quy định cần đạt mức tối thiểu là 31,5%. Tỷ lệ đô thị hóa hiện đạt 36%, cơ bản đạt tiêu chuẩn quy định.

2.3. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã (Chưa đạt)

Theo quy định, tỷ lệ số phường đạt từ 30% trở lên. Hiện nay, tỉnh có 32/129 đơn vị cấp xã là phường, tương ứng 25% là chưa đạt yêu cầu.

Để đạt tiêu chuẩn, cần thành lập thêm tối thiểu 07 phường trên cơ sở rà soát các xã đã cơ bản đảm bảo các tiêu chí (nhất là 24 xã được thành lập trên cơ sở các thị trấn trước đây). Qua rà soát, đánh giá so với tiêu chuẩn phường theo quy định tại khoản 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

TT	Tên xã dự kiến lên phường	Số tiêu chuẩn đạt	Số tiêu chuẩn chưa đạt	Ghi chú
1	Xã Gia Viễn	04/05	01/05	
2	Xã Nho Quan	04/05	01/05	
3	Xã Giao Thủy	04/05	01/05	
4	Xã Hải Tiến	04/05	01/05	
5	Xã Hải Thịnh	04/05	01/05	
6	Xã Hải Hậu	04/05	01/05	
7	Xã Quỳ Nhất	04/05	01/05	
8	Xã Cổ Lễ	04/05	01/05	
9	Xã Yên Mô	04/05	01/05	
10	Xã Phát Diệm	04/05	01/05	
11	Xã Bình Mỹ	04/05	01/05	
12	Xã Tân Thanh	03/05	02/05	Tiệm cận tiêu chí dân số đô thị
13	Xã Cát Thành	04/05	01/05	
14	Xã Rạng Đông	04/05	01/05	
15	Xã Nghĩa Hưng	04/05	01/05	
16	Xã Xuân Trường	04/05	01/05	
17	Xã Vụ Bản	03/05	02/05	
18	Xã Giao Ninh	03/05	02/05	
19	Xã Nam Trực	03/05	02/05	
20	Xã Ý Yên	03/05	02/05	

TT	Tên xã dự kiến lên phường	Số tiêu chuẩn đạt	Số tiêu chuẩn chưa đạt	Ghi chú
21	Xã Ninh Cường	03/05	02/05	
22	Xã Vĩnh Trụ	03/05	02/05	
23	Xã Yên Khánh	03/05	02/05	
24	Xã Bình Minh	03/05	02/05	

Theo đánh giá trên, có 12 xã (gồm: Gia Viễn, Nho Quan, Giao Thủy, Hải Tiên, Hải Thịnh, Hải Hậu, Quỳ Nhất, Cổ Lễ, Yên Mô, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh) đã cơ bản đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát và hoàn thiện tiêu chuẩn, căn cứ pháp lý để xây dựng hồ sơ, Đề án thành lập phường trong giai đoạn 2026 - 2027 trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định. Đối với 12 xã còn lại (trong số các xã được thành lập trên cơ sở các thị trấn trước đây) tiếp tục rà soát và hoàn thiện tiêu chuẩn thành lập phường theo quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đảm bảo để các điều kiện thành lập phường trong giai đoạn 2027 - 2029, trong trường hợp địa phương kịp thời hoàn thiện đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn thành lập phường thì có thể thực hiện ngay trình tự, thủ tục xây dựng hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

(Chi tiết kết quả đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí thành lập phường đối với 24 xã được thành lập trên cơ sở các thị trấn trước đây, như phụ biểu số I đính kèm)

2.4. Được công nhận đô thị loại I (Chưa đạt)

(Tiêu chuẩn này đã được đánh giá tại mục 1, phần III).

2.5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: (Chưa đạt)

Gồm 05 tiêu chí, trong đó:

- Có 04/05 tiêu chí đạt: (1) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt $\geq 80\%$; (2) Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất; (3) Tốc độ tăng trưởng GRDP 03 năm gần nhất chưa đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP); (4) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo cả nước trong 03 năm gần nhất.

- Còn 01/05 tiêu chí chưa đạt: Cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương cân tập trung các giải pháp thu hút đầu tư để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, đảm bảo tự chủ ngân sách từ năm 2028.

Như vậy tiêu chuẩn về **cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội** chưa đạt, cần phải tiếp tục hoàn thiện tiêu chí cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa

phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương để đảm bảo theo quy định.

Riêng đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá đến thời điểm hiện nay đã **đạt và cơ bản đạt** cần tiếp tục rà soát, huy động nguồn lực để hoàn thiện, duy trì và nâng cao đảm bảo yêu cầu của tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 trước khi hoàn thiện Hồ sơ Đề án thành lập thành phố trực thuộc Trung ương.

Phần IV

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

I. QUAN ĐIỂM

Xây dựng và phát triển tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, xứng tầm với vị thế, tầm vóc lịch sử, giá trị đặc biệt của Cố đô Hoa Lư, giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An; phù hợp với vị trí cửa ngõ phía Nam của khu vực miền Bắc, địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh, mắt xích trọng yếu kết nối giữa vùng Bắc Trung Bộ với vùng đồng bằng sông Hồng, giữa vùng Tây Bắc với phía Nam hành lang kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ; bảo đảm phân bố đô thị chức năng phù hợp với hình thái lãnh thổ khu vực Bắc Bộ và khoảng cách với Thủ đô Hà Nội, thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng.

Đây là nhiệm vụ chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ đối với tỉnh Ninh Bình mà còn đối với cả nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Ninh Bình đạt tiêu chí đô thị loại I, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị và tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Năm 2026

- Triển khai đầu tư, xây dựng một trong các khu chức năng hoặc thuộc khu chức năng vai trò cấp quốc gia, quốc tế.
- Tổ chức ít nhất 01 sự kiện tầm quốc tế hoặc khu vực.
- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trong năm đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước.
- Thu hút đầu tư trong nước hoặc đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong năm thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu trong cả nước.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người/năm của cả nước.
- Tỷ lệ đô thị hoá đạt từ 40%.
- Có thêm 4 phường trở lên đạt trình độ phát triển đô thị loại II.
- Hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí thành lập phường đối với các xã đã cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định (đặc biệt đối với 12 xã: Gia Viễn, Nho Quan, Giao Thủy, Hải Tiến, Hải Thịnh, Hải Hậu, Quỹ Nhất, Cổ Lễ, Yên Mô, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh).
- Tiếp tục rà soát, nâng cao tiêu chí có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đối với đô thị loại II.
- Rà soát đánh giá đề xây dựng phương án triển khai thực hiện để bảo đảm tiêu chí đạt 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên theo quy định.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều) thấp hơn bình quân chung cả nước
- Hoàn thành thành phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo quy định.

2.2. Năm 2027

- Hoàn thiện hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập mới đối với tối thiểu 12 phường (gồm: Gia Viễn, Nho Quan, Giao Thủy, Hải Tiến, Hải Thịnh, Hải Hậu, Quỹ Nhất, Cổ Lễ, Yên Mô, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh); Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí thành lập phường đối với 12/24 xã còn lại (các xã thành lập trên cơ sở thị trấn cũ).
- Tổ chức ít nhất 02 sự kiện tầm quốc tế hoặc khu vực.
- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trong năm đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước.
- Thu hút đầu tư trong nước hoặc đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong năm thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu trong cả nước.
- Thu nhập bình quân đầu người/năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người/năm của cả nước.
- Tỷ lệ đô thị hoá đạt từ 45% trở lên.
- Có tối thiểu 50% số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II.
- Tiếp tục rà soát, nâng cao tiêu chí có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đối với đô thị loại II.
- Bảo đảm năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đối với các đô thị loại II, loại III hiện có để đảm bảo đạt tiêu chí đến năm 2027 có 50% số lượng đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên.
- Hoàn thành tối thiểu 03 đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực, cửa ngõ chính, trung tâm kết nối vùng.

- Hoàn thiện hồ sơ Đề án công nhận tỉnh Ninh Bình đạt tiêu chí đô thị loại I, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều) thấp hơn bình quân chung cả nước

2.3. Năm 2028

- Tự cân đối được ngân sách, không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương.
- Hoàn thành và nâng cao các tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương.
- Tỷ lệ đô thị hoá đạt từ 50% trở lên.
- Công nhận đô thị văn minh mức độ 1 đối với đô thị Hoa Lư.
- Hoàn thành tiêu chí và hoàn thiện hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thành lập phường mới đối với các xã đảm bảo theo quy định.
- Hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập thành phố Ninh Bình trực thuộc Trung ương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (*về thẩm quyền và trình tự, thủ tục xây dựng Hồ sơ đề án thành lập thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Điều 8, Điều 10 của Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính*).
- Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc thành lập thành phố Ninh Bình theo quy định.

2.4. Năm 2029

- Tỷ lệ đô thị hoá đạt từ 55% trở lên
- Duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với phường, đô thị thông minh, đô thị loại I và thành phố trực thuộc Trung ương.
- Hoàn thành tiêu chí và hoàn thiện hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thành lập phường mới đối với các xã đảm bảo theo quy định.

2.5. Giai đoạn 2030 - 2045

Hoàn thành các tiêu chí theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Xây dựng Ninh Bình trở thành đô thị văn minh, sinh thái, hiện đại; là một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước, với vai trò là trung tâm du lịch, công nghiệp văn hóa, dịch vụ cấp quốc gia, quốc tế và công nghiệp công nghệ cao. Người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Môi trường có chất lượng tốt, xã hội hài hòa với thiên nhiên, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp, có bản sắc riêng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ:

1.1. Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng, hoàn thiện Đề án xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2	Lập, tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
3	Xây dựng kịch bản (hoặc đề án) để tỉnh Ninh Bình tự cân đối được ngân sách vào năm 2028	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
4	Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để tỉnh tự cân đối ngân sách vào năm 2028	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
5	Hoàn thành nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh bảo đảm xác định trong quy hoạch hoặc định hướng được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ; đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan,
6	Hoàn thành lập, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
7	Tổ chức thực hiện Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị, đảm bảo đạt tỷ lệ đô thị hóa tối thiểu 40%	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
8	Rà soát, hoàn thiện tiêu chí thành lập phường mới đối với các xã đã cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tối thiểu 12 xã: <i>Gia Viễn, Nho Quan, Giao Thủy, Hải Tiến, Hải Thịnh, Hải Hậu, Quỳ Nhất, Cổ Lễ, Yên Mô, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh</i>).	UBND 24 xã (được thành lập trên cơ sở các thị trấn trước đây) và Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Các cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
9	Lập Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030. Triển khai đầu tư hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, xây dựng đô thị Hoa Lư đạt tiêu chuẩn đô thị thông minh mức 1.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
10	Rà soát hoàn thiện các tiêu chí phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II đối với tối thiểu 4 phường hiện hữu thuộc các đô thị: Hoa Lư, Nam Định, Hà Nam, Tam Điệp	UBND các phường có liên quan và Sở Xây dựng	Các Sở, Ban Ngành; Các cơ quan, đơn vị liên quan
11	Triển khai đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao Hà Nam, Khu kinh tế Ninh Cơ	- Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hà Nam - Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
12	Tổ chức ít nhất 01 sự kiện tầm quốc tế hoặc khu vực	Sở Văn hóa và thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
13	Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao thu nhập bình quân đầu người, cao hơn mức bình quân chung của cả nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
14	Đề xuất giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), phấn đấu thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
15	Tham mưu đầu tư tối thiểu 01 đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực tại cửa ngõ chính, trung tâm kết nối vùng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
16	Chỉ đạo các chủ đầu tư tham gia các cuộc thi về công trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị do quốc gia, quốc tế tổ chức (tối thiểu 02 công trình)	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
17	Tiếp tục rà soát, nâng cao tiêu chí có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đối với đô thị loại II	Sở Xây dựng và UBND các phường có liên quan	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
18	Rà soát đánh giá đề xây dựng phương án triển khai thực hiện để bảo đảm tiêu chí đạt 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên theo quy định	Sở Nông nghiệp và môi trường và UBND các phường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
19	Rà soát, duy trì và nâng cao các quy định của tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
20	Tiếp tục triển khai phương án bảo đảm tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt trên 80%	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
20	Xây dựng phương án, triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm tốc độ tăng trưởng GRDP trong năm đạt hoặc vượt tốc độ tăng trưởng chung của cả nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
21	Xây dựng phương án, triển khai thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm (theo chuẩn đa chiều) thấp hơn mức bình quân chung của cả nước	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
23	Hoàn thành việc phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	UBND cấp xã; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
24	Xây dựng cơ chế hỗ trợ đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các xã thành lập phường năm 2026-2027	Sở Tài chính	Các sở ngành, đơn vị liên quan

1.2. Năm 2027

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tổ chức thực hiện Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2026-2030, đạt tỷ lệ đô thị hóa tối thiểu 45%	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
2	Hoàn thành tiêu chí thành lập mới và hoàn thiện hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thành lập phường mới đối với 12 xã (gồm: Gia Viễn,	UBND 24 xã (được thành lập trên cơ sở các thị trấn trước đây) và Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Các cơ quan đơn vị có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	<i>Nho Quan, Giao Thủy, Hải Tiến, Hải Thịnh, Hải Hậu, Quỳ Nhất, Cổ Lễ, Yên Mô, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh</i>). Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí của phường đối với 12 xã còn lại (<i>các xã thành lập trên cơ sở thị trấn cũ</i>)		
3	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030, hoàn thành các tiêu chí xây dựng đô thị Hoa Lư đạt tiêu chuẩn đô thị thông minh mức độ 1	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
4	Rà soát hoàn thiện các tiêu chí, trình công nhận phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II đối với tối thiểu 16 phường (02 phường thuộc đô thị Hoa Lư, 03 phường thuộc đô thị Nam Định, 02 phường thuộc đô thị Phủ Lý, 01 phường thuộc đô thị Tam Điệp, 01 phường thuộc đô thị Duy Tiên, 01 phường thuộc đô thị Kim Bảng)	UBND các phường có liên quan và Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; Các cơ quan đơn vị có liên quan
5	Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao Hà Nam, Khu kinh tế Ninh Cơ	Ban Quản lý khu đại học Nam cao và KCN cao; Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan
6	Tổ chức ít nhất 02 sự kiện tầm quốc tế hoặc khu vực	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan
7	Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao thu nhập bình quân đầu người/năm, cao hơn mức bình quân chung của cả nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
8	Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), phân đầu thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Tiếp tục triển khai phương án bảo đảm tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt trên 80%	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
10	Tham mưu đầu tư tối thiểu 02 đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực tại cửa ngõ chính, trung tâm kết nối vùng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
11	Chỉ đạo các chủ đầu tư tham gia các cuộc thi về công trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị do quốc gia, quốc tế tổ chức (tối thiểu 03 công trình)	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
12	Tiếp tục rà soát, nâng cao tiêu chí có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đối với đô thị loại II	Sở Xây dựng và UBND các phường có liên quan	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan
13	Triển khai phương án bảo đảm đạt 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên	Sở Nông nghiệp và môi trường và UBND các phường có liên quan	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
14	Rà soát, thực hiện đồng bộ các giải pháp duy trì và nâng cao các quy định của tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
15	Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm tốc độ tăng trưởng GRDP trong năm đạt hoặc vượt tốc độ tăng trưởng chung của cả nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
16	Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm (theo chuẩn đa chiều) thấp hơn mức bình quân chung của cả nước	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
17	Hoàn thiện hồ sơ Đề án, đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận tỉnh Ninh Bình đạt tiêu chí đô thị loại I	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan

1.3. Năm 2028

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tổ chức thực hiện Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2026-2030, đạt tỷ lệ đô thị hóa tối thiểu 50%	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
2	Rà soát, duy trì, nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí của phường,	UBND các phường	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị liên quan

	đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương		
3	Hoàn thành hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận đô thị thông minh mức độ 1 đối với đô thị Hoa Lư	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
4	Hoàn thành tiêu chí thành lập mới và hoàn thiện hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thành lập phường mới đối với các xã đảm bảo theo quy định	UBND các xã còn lại và Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Các cơ quan đơn vị có liên quan
5	Hoàn thành hồ sơ Đề án thành lập thành phố Ninh Bình trực thuộc Trung ương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Các cơ quan, đơn vị có liên quan
6	Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc Hội về việc thành lập thành phố Ninh Bình theo quy định.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan

1.4. Năm 2029

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tổ chức thực hiện Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2026-2030, đạt tỷ lệ đô thị hóa tối thiểu 55%	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan
2	Rà soát, duy trì, nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí của phường, đô thị thông minh, đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương	UBND các phường	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị liên quan
3	Hoàn thành tiêu chí thành lập mới và hoàn thiện hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thành lập phường mới đối với các xã đảm bảo theo quy định	UBND các xã còn lại và Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Các cơ quan đơn vị có liên quan

1.5. Giai đoạn 2030 - 2045

Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; rà soát, nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí của đô thị loại I và tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương, bảo đảm Ninh Bình trở thành một đô thị văn minh, sinh thái, hiện đại và thông minh; là một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước, với vai trò là trung tâm du lịch, công nghiệp văn hóa, dịch vụ cấp quốc gia, quốc tế và công nghiệp công nghệ cao. Người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao. Hệ

thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Môi trường có chất lượng tốt, xã hội hài hòa với thiên nhiên, phát triển theo hướng các-bon thấp.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai tổ chức thực hiện

- Tập trung triển khai ngay việc nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 05-NQ/TU và Kế hoạch 58-KH/TU ngày 15/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh về mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Ninh Bình là thành phố trực thuộc Trung ương, với đặc trưng đô thị di sản thiên niên kỷ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến với quy mô sâu rộng, với nhiều hình thức, phương thức đa dạng, phong phú với từng đối tượng; bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả.

2.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền đô thị

- Phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức đảng trong hệ thống chính trị đô thị; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với mô hình chính quyền đô thị; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực; đề cao kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống chính trị, nhất là trong quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, tài chính.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương và của Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, rõ chức năng nhiệm vụ, phù hợp với quy mô, tính chất của đô thị. Chuẩn bị đầy đủ điều kiện để triển khai mô hình chính quyền đô thị theo quy định của Trung ương; từng bước đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp cơ sở theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ Nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý đô thị có tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, am hiểu quản trị đô thị hiện đại, kinh tế đô thị, chuyển đổi số và phát triển bền vững. Thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tăng cường thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, giao thông, môi trường, chuyển đổi số.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng chính quyền đô thị phục vụ, liêm chính, hành động. Rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, thuận tiện, giảm chi phí thời gian và chi phí không chính thức cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường thực hiện cơ chế

“một cửa, một cửa liên thông” hiện đại; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Thực hiện phân cấp, phân quyền bảo đảm thực chất, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm; gắn phân cấp, phân quyền với phân bổ nguồn lực, biên chế, ngân sách và điều kiện bảo đảm thực hiện; lấy hiệu quả quản lý, chất lượng phục vụ, sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

2.3. Hoàn thiện, triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và các quy hoạch có liên quan bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, tầm nhìn dài hạn

- Tập trung hoàn thiện, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình phù hợp với mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; bảo đảm thống nhất với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, Quy hoạch tổng thể Quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Bắc Bộ. Nghiên cứu, xác lập rõ mô hình phát triển đô thị di sản thiên niên kỷ, trong đó di sản lịch sử - văn hóa - cảnh quan là trục giá trị cốt lõi, gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế sáng tạo, du lịch bền vững và đô thị thông minh.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo hướng tổ chức không gian tổ chức không gian đô thị toàn tỉnh theo mô hình đa cực, đa trung tâm, phân vùng chức năng rõ rệt trên cơ sở tiềm năng, lợi thế từng vùng, gắn với cơ chế, chính sách quản lý quản lý đặc thù đối với từng khu vực. Qua đó bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc Cố đô và di sản văn hóa vật thể đã được UNESCO công nhận. Đối với vùng lõi và vùng đệm di sản (Cố đô Hoa Lư - Tràng An), phát triển theo mô hình đô thị di sản, lấy bảo tồn là nhiệm vụ trọng tâm; áp dụng các quy định quản lý chặt chẽ về không gian, kiến trúc, cảnh quan; kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng; ưu tiên kiến trúc truyền thống, hài hòa với cảnh quan tự nhiên, văn hóa; hình thành trục không gian di sản Tam Chúc - Tràng An - Hoa Lư làm trục xương sống kết nối các giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh của tỉnh.

- Đối với các vùng động lực phát triển mới (khu vực ga đường sắt tốc độ cao, cảng hàng không, cảng biển, khu công nghiệp), định hướng phát triển theo mô hình đô thị nén gắn với giao thông công cộng (TOD); tổ chức không gian đô thị hiện đại, mật độ cao, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên phát triển dịch vụ logistics, thương mại, dịch vụ chất lượng cao, tạo động lực tăng trưởng kinh tế và sức lan tỏa. Đối với trục sông Đáy, phát triển theo mô hình đô thị sinh thái, gắn với hình thành trung tâm hành chính mới; xác định sông Đáy là trục cảnh quan xanh chủ đạo, không gian sinh thái - văn hóa và không gian công cộng quan trọng, góp phần cải thiện môi trường sống, nâng cao chất lượng đô thị.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, nhất là điều chỉnh quy hoạch tùy tiện làm phá vỡ không gian di sản và định hướng phát triển chung. Gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với kết quả tổ chức thực hiện quy hoạch trên địa bàn. Cụ thể hóa quy hoạch thành các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, có lộ trình, phân kỳ đầu tư rõ ràng; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các dự án hạ tầng khung, hạ tầng kết nối vùng, hạ tầng bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

2.4. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước thành động lực cho tăng trưởng

Chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới, lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống từ đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới.

Phát triển công nghiệp tỉnh Ninh Bình theo mô hình kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường; đưa tỉnh Ninh Bình trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại của vùng và cả nước, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung hình thành các cụm liên kết ngành nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh; khẳng định vai trò trung tâm về công nghiệp cơ khí chế tạo và lắp ráp ô tô; công nghiệp công nghệ thông tin (điện tử, máy tính); công nghiệp chế biến, chế tạo và vật liệu xanh; duy trì và phát triển bền vững các ngành: dệt may, da giày; chế biến thực phẩm; sản xuất hóa chất, dược phẩm, nhựa; luyện kim và các sản phẩm sau thép; công nghiệp khai khoáng gắn với chế biến sâu; chú trọng tạo lập hệ sinh thái công nghiệp đồng bộ, kết nối chuỗi cung ứng từ sản xuất nguyên liệu đến sản phẩm hoàn thiện, bảo đảm gia tăng hàm lượng công nghệ và giá trị kinh tế. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế Ninh Cơ, Khu công nghệ cao Hà Nam và các khu công nghiệp theo quy hoạch đồng bộ, hiện đại để thu hút các ngành công nghệ cao then chốt, như: trí tuệ nhân tạo, điện tử - bán dẫn, công nghệ sinh học và y dược, cùng với công nghệ vật liệu mới; tập trung thu hút đầu tư các dự án lớn, công nghệ hiện đại, sản phẩm có giá trị gia tăng cao và đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao; tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu ngành nông nghiệp sang mô hình sinh thái, thông minh và tuần hoàn; lấy việc chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu làm nền tảng phát triển bền vững. Trọng tâm chiến lược là hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết nối đồng bộ với hệ thống logistics và công nghiệp chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị và tạo nguồn hàng chủ lực cho xuất khẩu. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phấn đấu đưa kinh tế nông nghiệp công nghệ cao trở thành trụ cột quan trọng, đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu GRDP của tỉnh; phát triển mô hình nông nghiệp đa giá trị, kết hợp hài hòa giữa sản xuất với du lịch trải nghiệm, bảo tồn cảnh quan và văn hóa bản địa để xây dựng thương hiệu nông sản quốc gia. Tập trung xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, văn minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, bản sắc văn hóa và các giá trị truyền thống.

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để phát triển kinh tế biển trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo của tỉnh; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ven biển theo hướng công nghiệp - dịch vụ hiện đại. Trọng tâm là điều chỉnh, mở rộng không gian phát triển Khu kinh tế Ninh Cơ; hoàn thiện đồng bộ hạ tầng các

khu, cụm công nghiệp theo mô hình sinh thái, thông minh, gắn kết chặt chẽ với hệ thống cảng biển và dịch vụ logistics; phát triển kinh tế biển phải tuân thủ nguyên tắc bền vững, bảo đảm hài hòa giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển; chú trọng tăng cường liên kết vùng, bảo đảm sự tương hỗ và hài hòa lợi ích giữa khu vực ven biển với khu vực nội địa; tái cơ cấu các ngành hàng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của kinh tế tỉnh.

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại; phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao. Phát triển hệ thống thương mại - dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, kết hợp hài hòa với việc chỉnh trang, nâng cấp mạng lưới chợ truyền thống để phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và bản sắc địa phương. Tập trung thu hút đầu tư mạng lưới trung tâm thương mại, siêu thị và cửa hàng tiện ích tại các đô thị trung tâm, khu du lịch và dọc theo các trục hành lang kinh tế động lực của tỉnh. Ưu tiên bố trí quỹ đất và hoàn thiện hạ tầng thương mại, khu logistics... trong Khu kinh tế Ninh Cơ, bám sát định hướng Quy hoạch chung đã được phê duyệt; chú trọng phát triển hạ tầng logistics, hệ thống kho bãi tại các đầu mối giao thông, khu công nghiệp và khu kinh tế nhằm tạo lập chuỗi cung ứng đồng bộ. Khuyến khích chuyển đổi số mạnh mẽ, tạo hành lang pháp lý và hạ tầng kỹ thuật thuận lợi để thúc đẩy thương mại điện tử; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các dịch vụ hậu cần phục vụ sản xuất công nghiệp, phát huy vai trò động lực của kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Xây dựng Ninh Bình trở thành trung tâm du lịch quốc gia mang tầm vóc quốc tế; giữ vai trò là cực tăng trưởng quan trọng, kết nối chặt chẽ với tam giác động lực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Trọng tâm là phát triển mô hình “Đô thị di sản thiên niên kỷ” theo hướng xanh, bền vững và thông minh. Định vị thương hiệu Ninh Bình là “Trung tâm du lịch Di sản - Sinh thái - Văn hóa - Tôn giáo” hàng đầu Việt Nam; phát triển dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, phát huy giá trị di sản với ứng dụng công nghệ số và kinh tế tri thức. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phân đầu đưa du lịch và công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp khoảng 10% GRDP của tỉnh; mở rộng hợp tác đa phương, phát huy vai trò UNESCO và các tổ chức quốc tế, nâng cao vị thế Ninh Bình trên bản đồ du lịch, văn hóa quốc gia và toàn cầu; định hướng mở rộng các khu, điểm du lịch tại Vân Long, Tam Chúc, Kim Bảng, Kênh Gà, Cúc Phương, Cồn Nổi, Thịnh Long, Xuân Thủy,...

Phát triển kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tháo gỡ các rào cản tâm lý, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để khu vực tư nhân tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính. Tiếp tục duy trì hoạt động đối thoại, làm việc với doanh nghiệp định kỳ để giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các doanh nghiệp của địa phương có quy

mô lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh cao ở khu vực và quốc tế. Tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, thực chất, đồng bộ, đột phá, có trọng tâm, trọng điểm, có tầm nhìn dài hạn, gắn với phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế nhà nước; rà soát, thống kê, đánh giá, hạch toán đầy đủ theo nguyên tắc thị trường, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tổng thể các nguồn lực từ đất đai, tài nguyên khoáng sản, công trình kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước,... Thực hiện phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước theo chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

2.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa và phát triển đô thị

Tập trung huy động nguồn lực, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 30/1/2026 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo hướng đồng bộ, hiện đại; khẩn trương xây dựng các chương trình, đề án để tổ chức triển khai thực hiện, dựa trên cơ sở tổ chức hợp lý không gian theo mô hình: một trục động lực - hai đầu phát triển - ba cực phát triển - bốn vùng kinh tế - năm hành lang kinh tế; phát triển đô thị hai bên bờ sông Đáy; các đô thị TOD giáp khu vực nhà ga đường sắt tốc độ cao, cảng hàng không...; đô thị giáp khu vực cảng biển, khu kinh tế - khu công nghiệp, khu du lịch...

Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông quan trọng có tính chất kết nối vùng, liên vùng, kết nối các khu du lịch trọng điểm, các khu, cụm công nghiệp với hệ thống quốc gia để thu hút phát triển công nghiệp, du lịch, mở rộng không gian đô thị, tạo dư địa và động lực phát triển kinh tế - xã hội... Tập trung nguồn lực hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung, chỉnh trang đô thị Ninh Bình; các dự án phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp văn hóa gắn với kinh tế di sản làm mũi nhọn; các dự án tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị lịch sử Cố đô Hoa Lư, đền Trần, Phủ Dầy,... xây dựng thiết chế văn hóa...

Quyết liệt chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án; triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng. Tăng cường kiểm tra, xử lý các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách chậm tiến độ, sử dụng đất kém

hiệu quả; kiên quyết thu hồi các dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhưng triển khai chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư.

Tăng cường các giải pháp thúc đẩy đô thị hóa và phát triển đô thị bền vững, nhất là đô thị thông minh, đô thị sáng tạo; phát triển đô thị dọc các hành lang phát triển, vùng động lực, khu công nghiệp, dọc hai bên bờ sông Đáy. Đẩy mạnh thu hút mọi nguồn lực để đầu tư, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án nhà ở xã hội, các dự án khu đô thị, khu nhà ở đáp ứng nhu cầu sử dụng, tránh lãng phí tài nguyên đất. Phần đầu tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 60%.

2.6. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Triển khai có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh chuyển đổi số; xây dựng, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, hệ thống quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh. Xây dựng, phát triển, vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Ninh Bình phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030.

Phát triển đồng bộ hạ tầng khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, gắn liền với xây dựng đô thị thông minh, bảo đảm an toàn thông tin mạng và phát triển nhân lực số. Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ của các đơn vị thông tin - truyền thông; đầu tư xây dựng và đưa khu công nghệ cao vào hoạt động hiệu quả.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan Đảng, Nhà nước lên môi trường số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực, tạo ra mô hình kinh doanh mới; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi xanh, phát triển bền vững.

Đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng số tốc độ cao, phủ rộng 5G, đảm bảo tất cả 129 xã/phường kết nối Mạng TSLCD cáp quang chuyên dùng; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh liên thông với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; Vận hành hiệu quả Trung tâm IOC tỉnh - 'bộ não' điều hành thành phố thông minh, tích hợp dữ liệu từ các lĩnh vực giao thông, môi trường, y tế, giáo dục, du lịch và an ninh trật tự.

Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với Công viên Tri thức, Công nghệ và ĐMST; thu hút doanh nghiệp công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn đầu tư trên địa bàn; Số hóa và khai thác hiệu quả các giá trị di sản: xây dựng bản đồ số di sản tích hợp AI, ứng dụng thực tế ảo (VR/AR) tại các khu di tích, tour du lịch thông minh phục vụ chiến lược đô thị di sản thiên niên kỷ.

Triển khai mạnh mẽ Đề án 06 giai đoạn II (2026-2030), bảo đảm người dân và doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, không còn rào cản giấy tờ hành chính trong mô hình chính quyền 2 cấp (Tỉnh - Xã/Phường); Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc thù để thu hút nhân tài công nghệ cao phục vụ phát triển thành phố trực thuộc Trung ương.

2.7. Về phát triển văn hóa, giáo dục, y tế

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và phát triển toàn diện văn hóa, con người Ninh Bình phù hợp với xu thế thời đại; trọng tâm là kiến tạo môi trường văn hóa lành mạnh trong mọi lĩnh vực đời sống; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với duy trì các hoạt động thể thao, giải trí nhằm nâng cao đời sống tinh thần và tạo động lực để Nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch không gian phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch phù hợp với đơn vị hành chính mới, bảo đảm đồng bộ với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và định hướng phát triển của tỉnh; xây dựng hệ sinh thái công nghiệp văn hóa, du lịch dựa trên nền tảng giá trị di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, cảnh quan và bản sắc cộng đồng. Tập trung bảo tồn, tôn tạo, phục dựng và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên, khảo cổ, làng nghề truyền thống, không gian văn hóa đặc trưng; phát triển các công viên văn hóa, công viên di sản, không gian sáng tạo, bảo tàng, thư viện, nhà hát, trung tâm nghệ thuật, phim trường, sân khấu thực cảnh và các thiết chế văn hóa hiện đại gắn với bảo tồn và khai thác hiệu quả các giá trị di sản.

Ưu tiên huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng chiến lược, hạ tầng giao thông, hạ tầng du lịch, hạ tầng số, viễn thông, logistics và các công trình động lực phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch; tăng cường kết nối liên vùng, phát triển các trung tâm đón tiếp, cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí, trung tâm hội nghị, triển lãm và các dịch vụ hỗ trợ du lịch chất lượng cao. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo và các nền tảng số trong bảo tồn, quản lý, quảng bá và khai thác tài nguyên văn hóa, du lịch; xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số ngành công nghiệp văn hóa, du lịch và các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, xúc tiến đầu tư và quảng bá điểm đến.

Tập trung phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa và du lịch đa dạng, chất lượng cao, mang bản sắc riêng; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trọng điểm như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ, thiết kế sáng tạo, truyền thông, quảng cáo, nội dung số và các hoạt động văn hóa

sáng tạo. Đa dạng hóa các loại hình du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng, cộng đồng, nông nghiệp trải nghiệm, du lịch biển, du lịch đêm, du lịch sự kiện, du lịch điện ảnh, du lịch thể thao, chăm sóc sức khỏe, học thuật và các sản phẩm du lịch chuyên đề; gắn phát triển du lịch với bảo tồn di sản, phát triển làng nghề, sản phẩm OCOP, kinh tế sáng tạo và nâng cao giá trị văn hóa địa phương.

Tăng cường thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ doanh nghiệp, nghệ nhân và cộng đồng dân cư tham gia sáng tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, du lịch; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu điểm đến, tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch quy mô lớn; mở rộng hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước đưa Ninh Bình trở thành trung tâm công nghiệp văn hóa, du lịch và kinh tế sáng tạo có vị thế trong khu vực và quốc tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo tồn các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Tập trung ưu tiên nguồn lực bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống di tích, danh thắng gắn với các khu, điểm du lịch; bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích quốc gia đặc biệt, một số di tích quốc gia quan trọng; khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng liên kết dịch vụ, bảo đảm năng lực tổ chức các sự kiện quy mô quốc gia và quốc tế, qua đó khẳng định vị thế điểm đến hấp dẫn của tỉnh; chú trọng xây dựng các không gian văn hóa mang đậm bản sắc các dân tộc, đặc biệt là phục dựng một số khu vực không gian văn hóa - lịch sử trên địa bàn; phát huy các loại hình nghệ thuật dân tộc, tôn tạo các di sản văn hóa, di sản làng nghề, di sản quần cư làng Việt, bản Mường,... Xây dựng lộ trình và lập hồ sơ trình UNESCO công nhận các di tích, danh thắng tiêu biểu như: Cảnh quan văn hóa - sinh thái vọc móng trắng Vân Long - Kim Bảng - Tam Chúc, Ma nhai trên núi Non nước...

Khuyến khích phát triển homestay, farmstay và du lịch nông nghiệp xanh bền vững, gắn với sản phẩm OCOP và sản phẩm văn hoá sáng tạo; tạo điều kiện cho khách du lịch trải nghiệm canh tác truyền thống, đồng thời kết nối với các vườn quốc gia, khu bảo tồn (Vân Long, Xuân Thủy, Cúc Phương...), góp phần bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Phát triển các sản phẩm du lịch văn hoá - sáng tạo như: du lịch ban đêm, phố đi bộ, chợ ẩm thực, không gian sáng tạo, lễ hội truyền thống; tạo điểm nhấn sinh động trong không gian đô thị và lan toả giá trị di sản, bản sắc cộng đồng.

Hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; tạo bước chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng giáo dục và đào tạo; quán triệt và triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp theo hướng tinh gọn, chuẩn hóa và hiện đại hóa. Tập trung xây dựng hệ thống trường trọng điểm về chất lượng; thu hút đầu tư phát triển hệ thống trường quốc tế đa cấp học nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập. Đầu tư, xây dựng, nâng cấp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đồng bộ, cơ cấu ngành nghề hợp lý. Ưu tiên nguồn lực hình thành

các trung tâm đào tạo nghề trọng điểm quốc gia, hướng tới đạt chuẩn khu vực và quốc tế để cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung đầu tư, nâng cấp năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của các cơ sở giáo dục đại học; trọng tâm là phát triển Khu đại học Nam Cao trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Phát triển thể dục - thể thao, nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng sống của Nhân dân một cách toàn diện; kết hợp việc mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng với tập trung phát triển thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp, nhất là ở các môn tinh có thế mạnh.

Phát triển hệ thống y tế của tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ và bền vững; bảo đảm tính kế thừa và kết nối chặt chẽ giữa các tuyến (Trung ương - tỉnh - cơ sở), cũng như liên kết vùng, góp phần nâng cao thể chất, tinh thần, tầm vóc và chất lượng cuộc sống của Nhân dân trong tỉnh theo Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển y tế tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị cho các cơ sở khám, chữa bệnh tuyến tỉnh, hướng tới phát triển các chuyên khoa sâu; củng cố và nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng; bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác dân số, chăm sóc trẻ em và an toàn vệ sinh thực phẩm. Khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của khu vực tư nhân, thu hút đầu tư xây dựng các bệnh viện chất lượng cao, bệnh viện quốc tế để giảm tải cho tuyến công lập. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, xây dựng cơ sở dữ liệu y tế dùng chung và cơ chế liên thông thông tin xét nghiệm, điều trị giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

2.8. Thực hiện các chính sách xã hội

Thực hiện hiệu quả chủ trương “Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế”, gắn với các mục tiêu, tiêu chí phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc về xã hội, nhất là bảo đảm người dân được tiếp cận đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản, việc làm và thu nhập.

Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách và huy động nguồn lực xã hội hóa chăm lo cho người có công, người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội. Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ thường xuyên và đột xuất đối với nhóm yếu thế, người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ và lao động nhập cư. Thúc đẩy thị trường lao động phát triển lành mạnh, gắn với quản lý hiệu quả hoạt động tuyển dụng và sử dụng nhân lực trên địa bàn. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và triển khai tốt các chính sách hỗ trợ cho cả hai phía: doanh nghiệp và người lao động; gắn với triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.9. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh; quản lý chặt chẽ các nguồn thải, nhất là nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, làng nghề và các nguồn thải có quy mô lớn, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; thực hiện đồng bộ các giải pháp thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường.

Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu theo Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/02/2026 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030. Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, hướng tới phát triển bền vững. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường.

Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; từng bước chia sẻ cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai; quản lý đê điều, công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn...

Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, nhất là sinh thái rừng, sinh thái đất ngập nước, sinh thái biển và các khu bảo tồn thiên nhiên; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và theo dõi diễn biến rừng; phát triển kinh tế rừng bền vững, lồng ghép các chương trình, dự án lâm nghiệp với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tăng cường thu hút đầu tư các chương trình, dự án, đề án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam tại COP26.

2.10. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; hội nhập và hợp tác quốc tế

Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh ngay trong từng quy hoạch, chương trình, dự án xây dựng Ninh

Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Tăng cường công tác nắm tình hình; triển khai các biện pháp công tác đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ và trật tự, an toàn xã hội trong quá trình đô thị hóa nhanh. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ; thực hiện tốt công tác phòng, chống các thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống; xây dựng thể trận an ninh nhân dân vững chắc gắn với thể trận quốc phòng toàn dân; kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh nhân với phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng công an, quân sự, biên phòng trong giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, an toàn để thu hút đầu tư, phát triển bền vững, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế. Tăng cường hợp tác với UNESCO trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học và bảo tồn di sản văn hóa. Tăng cường hợp tác với các thành phố di sản và trung tâm du lịch quốc tế để phát triển du lịch bền vững, trao đổi kinh nghiệm về bảo tồn di sản và phát triển sản phẩm du lịch đặc sắc. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; mở rộng và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các địa phương của các nước theo hướng thực chất, toàn diện và sâu rộng. Tổ chức các sự kiện văn hóa quốc tế, triển lãm, hội thảo, tọa đàm để giới thiệu văn hóa, di sản và tiềm năng du lịch, qua đó nâng cao hình ảnh quốc gia nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng.

(Chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí theo phụ lục số II đính kèm)

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Nguồn lực thực hiện Đề án bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước
2. Nguồn vốn tín dụng
3. Nguồn vốn ngoài ngân sách.

Phần V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng Đề án, Kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện; chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo chất lượng, thời gian nêu trên, cụ thể:

1. Sở Nội vụ

Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan đơn vị liên

quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh xây dựng hồ sơ Đề án thành lập thành phố Ninh Bình trực thuộc Trung ương khi đã bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; phối hợp, hướng dẫn UBND cấp xã lập hồ sơ Đề án thành lập phường theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh:

- Triển khai hiệu quả các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, bảo đảm phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và định hướng xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2028.

- Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thành tiêu chuẩn về cân đối ngân sách để xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2028.

- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm (bao gồm các mục tiêu: cân đối ngân sách; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); thu nhập bình quân đầu người/năm; tốc độ tăng trưởng GRDP) để bảo đảm các tiêu chuẩn về vị trí, chức năng và các tiêu chí của tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với định hướng xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2028.

- Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan, tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh xây dựng danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư, trong đó có các dự án phát triển đô thị.

- Tham mưu cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện đề án đảm bảo tiến độ đề ra; Cân đối, bố trí vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các dự án phát triển hạ tầng khung, hạ tầng kết nối đô thị sử dụng vốn đầu tư công, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh:

- Xây dựng Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình đến năm 2030; lập, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị theo nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; lập Đề án công nhận loại đô thị loại I đối với đô thị Ninh Bình (đồng thời rà soát phân loại đô thị đối với các đô thị loại II trực thuộc) và các đô

thị loại II, loại III có phạm vi ranh giới nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các tiêu chí phân loại đô thị; kiểm soát quá trình phát triển đô thị, bảo đảm tuân thủ quy hoạch và Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt; phối hợp với Sở Tài chính và các sở ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đô thị trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu các nội dung phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển đô thị, du lịch và bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp xã trong công tác lập, quản lý quy hoạch đô thị theo nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; hướng dẫn công tác lập kế hoạch phát triển đô thị, lập đề án phân loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị theo các đối tượng được quy định.

- Hướng dẫn, định hướng và tạo điều kiện cho các chủ đầu tư tham gia các cuộc thi về công trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị do quốc gia, quốc tế tổ chức.

4. Sở Khoa học và công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh:

- Triển khai có hiệu quả đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030; Đề án xây dựng trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Ninh Bình; Chiến lược phát triển dữ liệu, danh mục dữ liệu chủ chuyên ngành, danh mục dữ liệu mở, danh mục dữ liệu dùng chung tỉnh Ninh Bình; Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030.

- Hoàn thành hợp nhất kho dữ liệu điện tử dùng chung, cổng dữ liệu mở, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Chuẩn bị hạ tầng để ứng dụng các công nghệ mới như điện toán đám mây, AI, Big Data, IOT và nền tảng di động phục vụ chỉ đạo, điều hành. Hình thành và phát triển thị trường công nghệ, trong đó ưu tiên xây dựng sàn thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP của tỉnh.

5. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch, theo dõi, đôn đốc, tham mưu UBND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án về chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chủ trì bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa; nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn di sản, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần phát triển công nghiệp văn hóa và du lịch bền vững.

Định kỳ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo, tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án theo quy định.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, di sản trên địa bàn tỉnh, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ để bảo đảm tiêu chí xây dựng Ninh Bình thành tỉnh phát triển văn hóa toàn diện theo phân loại đối tượng thành phố trực thuộc Trung ương. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá, tổ chức các sự kiện văn hóa tầm khu vực và quốc tế, các lễ hội truyền thống nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, bảo tồn giá trị văn hóa địa phương; thu hút du khách và tăng cường sự tham gia của cộng đồng.

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã lập và triển khai các đề án phát triển văn hóa, thể thao gắn với phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị UNESCO công nhận Quần thể Danh thắng Tam Chúc và Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long là di sản thế giới.

6. Sở Du lịch

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển du lịch của Đề án về chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng chương trình công tác và hướng dẫn thực hiện; phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động du lịch, bảo đảm môi trường du lịch văn minh, an toàn, chuyên nghiệp; tăng cường tiếp nhận, xử lý phản ánh của du khách.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch phát triển du lịch bền vững; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế du lịch của tỉnh, trọng tâm là du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch di sản. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch thông qua các phương tiện truyền thông và các sự kiện trong nước, quốc tế; tăng cường thu hút đầu tư vào các dự án du lịch, từng bước khẳng định vị thế, vai trò của Ninh Bình là trung tâm du lịch quốc gia và quốc tế theo định hướng tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lộ trình, kế hoạch thực hiện để bảo đảm yêu cầu các tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo/năm (theo chuẩn đa chiều) thấp hơn bình quân chung của cả nước; nâng cao năng lực chống chịu thích ứng biến đổi khí hậu cho các đô thị; tổ chức rà soát, huy động nguồn lực tiếp tục hoàn thiện, duy trì, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu của thành phố trực thuộc trung ương theo tiến độ đề ra.

8. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, tham mưu UBND tỉnh xây dựng lộ trình, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn UBND cấp xã hoàn thiện các tiêu chuẩn phân loại đô thị, tiêu chuẩn, tiêu chí thành lập phường và hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí của đô thị loại I và thành phố trực thuộc trung ương thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý đảm bảo tiến độ đề ra.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã

9.1. Đối với UBND các xã

Tập trung huy động các nguồn lực; tổ chức rà soát, bổ sung, hoàn thiện và nâng cấp các tiêu chí, tiêu chuẩn về đơn vị hành chính cấp xã và phân loại đô thị, xã nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại đảm bảo quy định.

- Tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được giao tổ chức lập; lập, triển khai kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn bảo đảm phù hợp với các định hướng phát triển đô thị chung của tỉnh.

- UBND cấp xã nằm trong khu vực phát triển đô thị tổ chức triển khai Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/4/2026 của UBND tỉnh.

- Tổ chức lập đề án phân loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị theo các đối tượng được quy định trình cấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tăng cường thu hút đầu tư các dự án phát triển đô thị; giám sát chặt chẽ việc đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng đô thị trên địa bàn, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ và quy định.

- Xây dựng phương án và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập bình quân đầu người/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều) theo chỉ đạo của các Sở, ban, ngành của tỉnh.

- Tổ chức rà soát, huy động nguồn lực, hoàn thiện và nâng cấp các tiêu chí đáp ứng tiêu chuẩn của phường theo quy định; chủ động đăng ký và xây dựng Đề án thành lập phường khi đủ điều kiện theo quy định tại văn bản 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí của đô thị loại I và thành phố trực thuộc trung ương đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

9.2. Đối với 24 xã được thành lập từ các xã trước hợp nhất, sáp nhập là thị trấn dự kiến thành lập phường (Gồm các xã: Gia Viễn, Nho Quan, Yên Khánh, Yên Mô, Phát Diệm, Bình Minh, Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trù, Nam Trực, Vụ Bản, Ý Yên, Cổ Lễ, Cát Thành, Ninh Cường, Xuân Trường, Hải Hậu, Hải Tiến, Hải Thịnh, Giao Thủy, Giao Ninh, Nghĩa Hưng, Quỳ Nhất, Rạng Đông)

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên như đối với UBND các xã, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau: Tổ chức rà soát, xây dựng kế

hoạch chi tiết hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt; duy trì, nâng cao các tiêu chí đã đạt, đáp ứng tiêu chuẩn của phường theo quy định và huy động nguồn lực để đảm bảo hoàn thành trong năm 2026 (12 xã) và 2027 (12 xã) như Đề án. Hoàn thiện hồ sơ đề án thành lập phường trình cấp có thẩm quyền quyết định đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

9.3. Đối với UBND các phường

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên như đối với UBND các xã, UBND các phường cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tổ chức rà soát, huy động nguồn lực, hoàn thiện và nâng cấp các tiêu chí đáp ứng tiêu chuẩn của phường theo quy định hiện hành.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện để nâng cao trình độ phát triển đô thị theo kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/4/2026 của UBND tỉnh; phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn: Đô thị thông minh mức độ 1 hoặc có năng lực chống chịu thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên.
- Xây dựng kịch bản và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để tự cân đối ngân sách theo đúng kịch bản tự cân đối ngân sách cấp tỉnh.

10. Chế độ thông tin, báo cáo

10.1. Đối với UBND các phường, xã: Trên cơ sở hướng dẫn và yêu cầu của các cơ quan chuyên ngành cấp tỉnh liên quan, có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về các sở, ban, ngành để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh *(thực hiện vào ngày 20 hằng tháng)*.

10.2. Đối với các sở, ban, ngành: Theo lĩnh vực chuyên môn phụ trách, có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh *(thời gian thực hiện trước ngày 25 hằng tháng)*. Trước ngày 30 hằng tháng, Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua sở Nội vụ để tổng hợp) để kịp thời xem xét, chỉ đạo triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ theo quy định.

(Chi tiết đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện tiêu chuẩn, tiêu chí đô thị loại I; tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương như Phụ lục số III, IV kèm theo)

Phần VI KIẾN LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Nhiệm vụ xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 là phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển đô thị của quốc gia và của tỉnh, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Điều chỉnh Quy

hoạch hệ thống đô thị và nông thôn toàn quốc, đồng thời đã được cụ thể hóa trong các văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. Đây là hướng đi đúng đắn, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, vừa bảo tồn và phát huy các di sản, di tích có giá trị quốc gia và dân tộc, qua đó nâng cao vai trò, vị thế và sức cạnh tranh của đô thị Ninh Bình trong hệ thống đô thị quốc gia.

Việc xây dựng Đề án “Xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030” là yêu cầu khách quan, phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước về phát triển hệ thống đô thị quốc gia; đồng thời cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2025-2030, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh... Đề án được xây dựng trên cơ sở đánh giá toàn diện hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị của tỉnh; xác định rõ các tiềm năng, lợi thế, cũng như những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Trên cơ sở đó, Đề án đã đề ra các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, giá trị di sản, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa đặc sắc của địa phương; đồng thời tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

II. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện thành công mục tiêu xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, đòi hỏi sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương; sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Đồng thời, rất cần sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương trong việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Ninh Bình triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2028 theo định hướng đô thị di sản thiên nhiên kỷ, xanh, thông minh, hiện đại và giàu bản sắc. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình kính đề nghị:

1. Đối với Trung ương

Đề nghị Trung ương có cơ chế hỗ trợ để bảo tồn di sản, phát triển đô thị di sản; hỗ trợ chính sách và nguồn lực cho địa phương để phát triển một số hạ tầng, bảo đảm tiêu chí đô thị loại I; đồng ý cho tỉnh Ninh Bình áp dụng thực hiện tiêu chí đô thị loại I quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đối với tiêu chí tỷ lệ đô thị hóa giống như quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (*Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị có yếu tố đặc thù*) để đảm bảo tính thống nhất khi triển khai thực hiện tiêu chí này tại địa phương.

2. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai xây dựng kế hoạch cụ thể hóa, triển khai thực hiện nghiêm túc

và bảo đảm đạt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 05-NQ/BCH ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030; Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 15/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30/01/2026.

- Xem xét, ưu tiên bố trí nguồn lực để tập trung xây dựng Ninh Bình sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2028.

- Đồng ý chủ trương hỗ trợ kinh phí cho các xã lên phường trong năm 2026-2027 để hoàn thiện tiêu chí về đầu tư xây cơ sở hạ tầng./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Dân vận và Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Báo và PTTH Ninh Bình;
- Trung tâm TTCB tỉnh;
- Lưu: VT, VP 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

‘LBN_VP7 (NV)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức